BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Phương Thảo

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Thu

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Phương Thảo

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Thu

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Phương Thảo Mã SV: 120313

Lớp: QT 1206K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

   - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong Doanh nghiệp.

   - Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô.

   - Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

   - Số liệu về kinh doanh của công ty cổ phần Đình Đô trong 2 năm gần đây.

   - Số liệu về thực trạng kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

   - Công ty cổ phần Đình Đô.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ths.Nguyễn Thị Thu

Học hàm, học vị: Thạc sĩ Kinh tế

Cơ quan công tác: Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	*Người hướng dẫn*
Vũ Thị Phương Thảo	Ths. Nguyễn Thị Thu

Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ chịu khó

- Khiêm tốn, cầu thị

- Hoàn thành nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng tiến độ làm khóa luận tốt nghiệp

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu…):

Khóa luận tốt nghiệp trình bày trong 103 trang bao gồm cả bảng biểu, kết cấu hợp lý, logic, phù hợp với quy mô khóa luận tốt nghiệp cấp cử nhân.

Chương 1: Tác giả trình bày những vấn đề lý luận về tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp. Nội dung lý luận cơ bản, chọn lọc, đầy đủ.

Chương 2: Tác giả khảo sát công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô. Tác giả khảo sát một cách có hệ thống từ khâu tổ chức chứng từ, vận dụng tài khoản kế toán, sổ sách kế toán sử dụng theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung áp dụng tại công ty. Số liệu khảo sát rõ ràng, chi tiết, cụ thể và sâu sắc đã làm rõ quy trình kế toán tại công ty.

Chương 3: Trên cơ sở đánh giá những ưu điểm, hạn chế tác giả đã đưa ra một số biện pháp hoàn thiện về lập danh điểm vật tư, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho … Các biện pháp đề xuất có cơ sở và căn cứ khoa học.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

9,5 đ (chín phẩy năm điểm)

Hải Phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

Th.s Nguyễn Thị Thu

MỤC LỤC

MỤC LỤC *1*

LỜI MỞ ĐẦU *11*

1. Tính cấp thiết của đề tài: **11**

2. Mục đích của đề tài: **11**

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: **11**

4. Phương pháp nghiên cứu: **12**

5. Nội dung, kết cấu đề tài: **12**

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP. *13*

1.1 Khái quát chung về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp. **13**

1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. **13**

1.1.1.1 Khái niệm: *13*

1.1.1.2 Đặc điểm: *13*

1.1.2 Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp. **14**

1.1.2.1 Phân loại nguyên vật liệu: *14*

1.1.2.2 Phân loại công cụ dụng cụ: *16*

1.1.3 Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp. **17**

1.1.3.1 Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho: *17*

1.1.3.2 Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho: *19*

1. 2 Tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp... **22**

1.2.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp **22**

1.2.2 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp. 22

1.2.2.1 Phương pháp thẻ song song: 23

1.2.2.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển..... 25

1.2.2.3 Phương pháp sổ số dư: 26

1.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. 29

1.2.3.1 Hệ thống chứng từ kế toán sử dụng: 29

1.2.3.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên. 29

1.2.3.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ..... 34

1.2.4 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 37

1.3 Tổ chức sổ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp. 39

1.3.1 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung. 39

1.3.1.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: 39

1.3.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung: 39

1.3.2 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký - Sổ cái. 41

1.3.2.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái: 41

1.3.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái: 42

1.3.3 Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ..... 43

1.3.3.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:..... 43

1.3.3.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:..... 43

1.3.4 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký - Chứng từ..... 44

1.3.4.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ: 44

1.3.4.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ: 45

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính. 45

1.3.5.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính: 45

1.3.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính: 45

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ. 47

2.1 Khái quát chung về công ty cổ phần Đình Đô. 47

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần Đình Đô. 47

2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty. 48

2.1.2.1 Đặc điểm của sản phẩm: 48

2.1.2.2 Quy trình công nghệ và tổ chức sản xuất: 48

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức của công ty. 50

2.1.4. Bộ máy công tác kế toán áp dụng tại đơn vị. 52

2.1.4.1 Hình thức tổ chức bộ máy kế toán của công ty. 52

2.1.4.2 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty. 54

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô. 57

2.2.1 Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô. 57

2.2.1.1 Đặc điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: 57

2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. 57

2.2.2 Đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. 58

2.2.2.1 Đánh giá nguyên vật liệu: 58

2.2.2.2 Đánh giá công cụ, dụng cụ. 59

2.2.3 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty. ... 59

2.2.3.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. *59*

2.2.4 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô. **84**

2.2.4.1 Chứng từ sử dụng: *84*

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng: *84*

2.2.4.3 Quy trình hạch toán: *84*

*Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.***2.2.5 Tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.** **91**

2.2.5 Tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.92

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ *94*

3.1 Đánh giá khái quát về tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô. **94**

3.1.1 Ưu điểm: **94**

3.1.2 Hạn chế: **97**

3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô. **99**

3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện: **99**

3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện: **99**

3.2.3 Nội dung hoàn thiện: **100**

KẾT LUẬN *113*

TÀI LIỆU THAM KHẢO *114*

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Chuyển sang kinh doanh trong cơ chế thị trường và thực hiện hạch toán độc lập, mối quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp là thực hiện bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh với mục đích cuối cùng là lợi nhuận. Để đạt mục tiêu này thì các doanh nghiệp phải áp dụng đồng thời nhiều biện pháp và một trong những biện pháp quan trọng đối với doanh nghiệp đó là: sản phẩm sản xuất ra phải có chất lượng cao và giá thành hạ, tức là chi phí để sản xuất ra sản phẩm phải tiết kiệm, hợp lý và có kế hoạch. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Bởi vậy mà doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ vật tư từ khâu thu mua đến khâu bảo quản, dự trữ và sử dụng, vừa đáp ứng được nhu cầu sản xuất, tiết kiệm hạ giá thành sản phẩm, chống mọi hiện tượng xâm phạm tài sản của đơn vị và cá nhân. Để làm được điều này, các doanh nghiệp cần phải sử dụng công cụ quản lý mà kế toán làm công cụ giữ vai trò trọng yếu nhất. Từ lý do trên em chọn đề tài "Hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Đình Đô".

2. Mục đích của đề tài:

Vận dụng những lý luận về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ vào thực tiễn kế toán tại công ty Cổ phần Đình Đô, để từ đó đề ra một vài ý kiến đề xuất làm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Đình Đô.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Toàn bộ hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán có liên quan đến tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Đình Đô quý 4 năm 2011.

4. Phương pháp nghiên cứu:

Vận dụng phương pháp thống kê, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp lý luận và các phương pháp của kế toán để nghiên cứu.

5. Nội dung, kết cấu đề tài:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài gồm 3 chương:

- Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

- Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Đình Đô.

- Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Đình Đô.

Do lượng thời gian thực tập và lượng kiến thức còn nhiều hạn chế nên bài báo cáo của em còn nhiều thiếu sót về nhiều mặt nên không tránh khỏi những sai sót. Qua bài khóa luận tốt nghiệp này em rất mong sự góp ý cũng như sự chỉ bảo thêm của các thầy cô cũng như các cô chú trong phòng kế toán của công ty để em có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức của mình, giúp em hoàn thành bài khóa luận của mình một cách tốt nhất.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các phòng ban chức năng, phòng kế toán của công ty và giảng viên hướng dẫn *Ths. Nguyễn Thị Thu* đã hướng dẫn, giúp đỡ em tận tình trong suốt quá trình thực tập và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

Sinh viên:

Vũ Thị Phương Thảo.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 Khái quát chung về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

1.1.1.1 Khái niệm:

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường.

- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang.

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Nguyên vật liệu là: một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản xuất sản phẩm.

Công cụ dụng cụ là: một bộ phận của hàng tồn kho, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với Tài sản cố định. Vì vậy công cụ dụng cụ được quản lý và hạch toán như nguyên liệu, vật liệu.

1.1.1.2 Đặc điểm:

- *Đặc điểm của nguyên vật liệu:*

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp mang những đặc điểm sau:

- Tham gia vào một chu kỳ sản xuất chế tạo sản phẩm và cung cấp dịch vụ. Khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên liệu, vật liệu thay đổi hoàn toàn hình

thái vật chất ban đầu và giá trị được chuyển toàn bộ, một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- Thông thường trong cấu tạo của giá thành sản phẩm thì chi phí về nguyên liệu chiếm tỷ trọng khá lớn nên việc sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích và đúng kế hoạch nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh.

➢ *Đặc điểm của công cụ dụng cụ:*

- Tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất chế tạo sản phẩm và cung cấp dịch vụ.

- Khi tham gia vào quá trình sản xuất vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu giá trị bị hao mòn dần được dịch chuyển từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Công cụ dụng cụ thường có giá trị nhỏ hoặc thời gian sử dụng ngắn, được quản lý và hạch toán như tài sản lưu động.

1.1.2 Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp có vai trò và công dụng khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh. Để sản xuất sản phẩm các doanh nghiệp phải sử dụng nhiều loại vật tư khác nhau với khối lượng lớn. Chúng thường biến động tăng giảm thường xuyên, liên tục. Trong điều kiện đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thì mới tổ chức tốt công tác quản lý được. Vì vậy để có thể quản lý một cách khoa học, hợp lý và đảm bảo sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có hiệu quả thì phải tuỳ thuộc vào từng loại doanh nghiệp và từng ngành sản xuất khác nhau.

1.1.2.1 Phân loại nguyên vật liệu:

**** Nếu căn cứ vào vai trò, công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu thì nguyên vật liệu được chia thành:***

- *Nguyên vật liệu chính*: là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy nguyên liệu chính gắn liền với doanh nghiệp sản xuất cụ thể.

- *Vật liệu phụ*: là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì không cấu thành thực thể chính của sản phẩm mà có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, làm tăng thêm chất lượng của sản phẩm hàng hoá hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, phục vụ cho quá trình lao động.

- *Nhiên liệu*: là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể rắn, thể lỏng, thể khí.

- *Phụ tùng thay thế*: là những vật tư, sản phẩm dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ dụng cụ sản xuất.

- *Vật liệu xây dựng cơ bản*: gồm các thiết bị, phương tiện lắp đặt các công trình xây dựng cơ bản của doanh nghiệp.

- *Phế liệu*: là vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hoặc thanh lý tài sản, có thể sử dụng hoặc bán.

- *Vật liệu khác*: bao gồm các loại vật liệu còn lại ngoài các thứ kể trên. Tuỳ thuộc vào yêu cầu quản lý và kế toán chi phí của từng doanh nghiệp mà trong từng loại vật liệu có thể chi tiết hơn.

* ***Căn cứ vào nguồn hình thành nguyên vật liệu có thể phân loại như sau:***

- Nguyên vật liệu do mua ngoài.

- Nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự sản xuất.

- Nguyên vật liệu do từ các nguồn khác: như cấp phát, biếu tặng, liên doanh..

* ***Căn cứ vào mục đích và nơi sử dụng nguyên vật liệu có thể phân loại như sau:***

- Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.

- Nguyên vật liệu dùng cho công tác quản lý.

- Nguyên vật liệu dùng cho mục đích khác.

Trên cơ sơ phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, doanh nghiệp cần xác định "Sổ danh điểm vật liệu" để thống nhất tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, quy cách để tiết kiệm thời gian trong việc đối chiếu giữa kho và tìm kiếm thông tin về mọi loại vật liệu nào đó đặc biệt là trong điều kiện cơ giới hoá, tự động hoá công tác tính toán trong doanh nghiệp.

1.1.2.2 Phân loại công cụ dụng cụ:

**** Căn cứ vào nội dung kinh tế, công cụ dụng cụ được phân loại thành:***

- Công cụ dụng cụ.

- Bao bì luân chuyển.

- Đồ dùng cho thuê.

* ***Căn cứ vào nơi sử dụng công cụ dụng cụ được phân loại thành:***

- Công cụ dụng cụ trong kho.

- Công cụ dụng cụ đang dùng.

* ***Căn cứ vào phương pháp phân bổ, công cụ dụng cụ được phân loại thành:***

- *Phân bổ 1 lần:* Theo phương pháp này khi xuất dùng công cụ dụng cụ, kế toán phân bổ toàn bộ giá trị của nó vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ xuất dùng. Phương pháp này chỉ nên sử dụng trong trường hợp giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng nhỏ hoặc thời gian sử dụng ngắn.

- *Phân bổ 50%:* Theo phương pháp này khi xuất dùng công cụ dụng cụ, kế toán tiến hành phân bổ 50% giá trị công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ xuất dùng. Khi các bộ phận báo hỏng công cụ dụng cụ, kế toán tiến hành phân bổ giá trị còn lại của công cụ dụng cụ bị hỏng vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo hỏng.

$$\textit{Giá trị còn lại của CCDC báo hỏng} = \frac{\textit{GTTT của CCDC hỏng}}{2} - \textit{Giá trị phế liệu thu hồi} - \textit{Tiền bồi thường vật chất}$$

- *Phân bổ nhiều lần*: Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị công cụ dụng cụ và thời gian sử dụng hoặc số lần dự kiến để tính ra mức phân bổ cho một kỳ hoặc một lần sử dụng.

$$\textit{Mức phân bổ công cụ dụng cụ trong một kỳ hoặc một lần sử dụng} = \frac{\textit{Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng}}{\textit{Số kỳ hoặc số lần sử dụng}}$$

Căn cứ vào mức phân bổ nói trên, định kỳ kế toán phân bổ giá trị của công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

1.1.3 Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là dùng tiền để biểu thị giá trị của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực và thống nhất. Kế toán nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải phản ánh giá trị thực tế (hay theo giá gốc). Giá trị thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là toàn bộ chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đó. Giá trị thực tế bao gồm giá bản thân của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí thu mua, chi phí gia công, chi phí chế biến.

1.1.3.1 Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho:

Theo chuẩn mực kế toán số 02, hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua được trừ khỏi chi phí thu mua.

- Chi phí chế biến hàng tồn kho gồm: những chi phí có liên quan trực tiếp sản xuất sản phẩm phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên vật liệu thành thành phẩm.

- Chi phí liên quan trực tiếp khác tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm: các loại chi phí khác ngoài chi phí thu mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

➢ ***Chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm:***

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất khác, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng.

- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp: Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho thì giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua ngoài do các bên được xác định theo từng nguồn nhập.

+ Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập mua ngoài:

Giá thực tế nhập kho	=	***Giá mua ghi trên hoá đơn***	+	***Các khoản thuế nhập khẩu, thuế khác nếu có***	+	***Chi phí thu mua thực tế***	-	***Các khoản giảm trừ (CKTM, giảm giá…)***

+ Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ do doanh nghiệp tự gia công chế biến:

Giá thực tế nhập kho	=	***Giá thực tế NVL, CCDC xuất gia công chế biến***	+	***Chi phí gia công chế biến***

+ Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thuê ngoài gia công chế biến:

Giá thực tế nhập kho	=	***Giá thực tế NVL, CCDC xuất thuê ngoài gia công chế biến***	+	***Chi phí vận chuyển, bốc dỡ***	+	***Chi phí thuê ngoài gia công chế biến***

+ Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhận góp vốn: giá nhập kho là giá trị được các bên tham gia góp vốn liên doanh thống nhất đánh giá chấp thuận.

+ Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được biếu tặng: giá nhập kho là giá thực tế được xác định theo thời điểm giá trên thị trường.

1.1.3.2 Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được nhập kho từ nhiều khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó khi xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tuỳ thuộc vào đặc điểm hoạt động, yêu cầu, trình độ quản lý và điều kiện phương tiện trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tính toán ở từng doanh nghiệp mà lựa chọn một trong bốn phương pháp để xác định giá trị thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho. Theo chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho, việc tính giá hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp thực tế đích danh.
- Phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp nhập sau xuất trước.
- Phương pháp bình quân gia quyền.

* **<u>Nội dung cụ thể của các phương pháp:</u>**

- **Phương pháp thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này, giá của hàng nhập kho sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất kho. Khi xuất loại hàng hóa nào thì lấy giá của loại hàng

hoá đó. Phương pháp này được áp dụng cho những doanh nghiệp có chủng loại vật tư ít và nhận diện được từng lô hàng.

Ưu điểm: Chính xác và theo dõi chặt chẽ thời hạn bảo quản của từng loại vật tư.

Nhược điểm: Đòi hỏi doanh nghiệp phải có điều kiện để bảo quản riêng từng lô hàng nhập kho, công tác chặt chẽ phức tạp.

- **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):**

Phương pháp này được thực hiện như sau: lô hàng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nào nhập kho trước sẽ được dùng trước. Hàng tồn kho cuối kỳ là hàng mới nhất. Do vậy giá hàng xuất dùng được tính hết theo giá thực tế của lần nhập trước, xong mới là giá của lần nhập sau. Nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá trị hàng tồn kho cao, hàng xuất thấp, chi phí kinh doanh giảm, lợi nhuận tăng và ngược lại.

Ưu điểm: Với phương pháp này việc tính toán đơn giản, dễ làm và tương đối hợp lý, chính xác.

Nhược điểm: Khối lượng tính toán nhiều, phụ thuộc vào xu thế giá cả trên thị trường, phải tiến hành công phu.

- **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):**

Theo phương pháp này, nhưng lô hàng mua sau sẽ được xuất trước. Nghĩa là giá thị trường của hàng xuất được tính theo giá của lô hàng có lần nhập gần nhất. Chi phí sản xuất luôn gắn chặt với giá cả thị trường nên lợi nhuận thu được mang tính an toàn hơn khi giá cả có xu hướng tăng lên. Song chất lượng tính giá lại vẫn phụ thuộc vào sự ổn định giá cả của nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ. Nếu giá cả biến động mạnh mẽ sẽ mất chính xác gây bất hợp lý. Phương pháp này áp dụng trong trường hợp lạm phát.

Ưu điểm: Việc tính giá vật liệu đơn giản hơn phương pháp nhập trước, xuất trước.

Nhược điểm: Khối lượng ghi chép và theo dõi hạch toán chi tiết còn phức tạp.

➢ **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ, giá trị của từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng loại doanh nghiệp. Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá của hàng hoá vật tư, hàng hoá khi nhập xuất kho. Phương pháp bình quân gia quyền này có thể thực hiện theo cả kỳ hoặc là sau mỗi lần nhập

Ưu điểm: Tính giá vật liệu xuất kho chính xác.

Nhược điểm: Phương pháp này chỉ tiến hành vào cuối tháng nên khối lượng công việc nhiều ảnh hưởng đến công tác quyết toán.

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

Trị giá thực tế xuất kho	**=**	***Số lượng xuất***	***x***	***Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ***
Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ	**=**	***Giá trị thực tế vật tư , hàng hoá tồn đầu kỳ*** + ***Giá trị thực tế vật tư, hàng hoá nhập trong kỳ***		
		Số lượng vật tư, hàng hoá tồn đầu kỳ + ***Số lượng vật tư, hàng hoá nhập trong kỳ***		

Phương pháp bình quân liên hoàn:

Trị giá thực tế xuất kho = ***Số lượng xuất*** x ***Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập***		
Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập	**=**	***Giá trị thực tế tồn kho sau thứ i lần nhập*** / ***Số lượng tồn kho sau thứ i lần nhập***

1. 2 Tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

1.2.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

Trước yêu cầu của quản lý tài chính hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải chặt chẽ, thực hiện một cách nghiêm chỉnh các pháp lệnh do Nhà nước ban hành. Các doanh nghiệp đang đứng trước áp lực cạnh tranh gay gắt của nên kinh tế thị trường do vậy để có thể tìm được chỗ vững chắc trên thị trường đòi hỏi công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sao cho khoa học, chính xác. Thực tế này đặt ra nhiệm vụ nặng nề cho công tác kế toán là làm sao để phản ánh được sự biến động của từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ một cách chính xác cả về mặt số lượng và giá trị sao cho tiết kiệm chi phí hạ giá thành sẽ tạo ra sức cạnh tranh lớn đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Việc cung cấp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có kịp thời đầy đủ hay không sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch và quá trình sản xuất của doanh nghiệp. Nếu thiếu nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thì doanh nghiệp không tiến hành sản xuất được. Nguyên vật liệu không chỉ ảnh hưởng đến số lượng mà còn ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng cao, đúng quy cách, đúng chủng loại thì sản phẩm tạo ra mới phù hợp với nhu cầu thị trường, tạo ra sức cạnh tranh cao. Công cụ dụng cụ là sản phẩm dự trữ sản xuất và thường xuyên biến động. Nó hỗ trợ trực tiếp cho nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm.

Tóm lại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là yếu tố không thể thiếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nó quyết định đến sự tồn tại phát triển hay thất bại của doanh nghiệp.

1.2.2 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

Trong doanh nghiệp sản xuất, việc quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ do nhiều bộ phận, do nhiều đơn vị tham gia song việc quản lý tình hình nhập xuất tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ hàng ngày chủ yếu được thực hiện ở bộ phận kho và phòng kế toán trên cơ sở chứng từ kế toán nhập xuất nguyên vật liệu, công

cụ dụng cụ. Thủ kho và kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải phản ánh chính xác tình hình nhập xuất kho, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo từng danh điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Bởi vậy giữa kho và phòng kế toán doanh nghiệp cần có sự phối hợp với nhau để sử dụng chứng từ kế toán nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ một cách hợp lý trong việc ghi chép vào thẻ kho của thủ kho, ghi chép vào sổ kế toán chi tiết của kế toán nhằm đảm bảo sự phù hợp số liệu giữa thẻ kho và sổ kế toán, đồng thời tránh được ghi chép trùng lặp không cần thiết để tiết kiệm hao phí lao động, quản lý có hiệu quả nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Sự liên hệ và phối hợp đó hình thành lên những phương pháp hạch toán chi tiết hàng tồn kho:

- Phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.
- Phương pháp sổ số dư.

1.2.2.1 Phương pháp thẻ song song:

Ở kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập xuất tồn vật tư về mặt số lượng. Mỗi chứng từ chỉ ghi vào một dòng thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật tư. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập xuất và tính số tồn kho về mặt số lượng theo từng danh điểm vật tư.

Ở phòng kế toán: Kế toán vật tư mở thẻ kế toán chi tiết vật liệu cho từng danh điểm vật tư tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Thẻ này có nội dung tương tự thẻ kho, chỉ khác là theo dõi về cả về mặt giá trị hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho. Cuối tháng kế toán cộng sổ chi tiết vật liệu và kiểm tra đối chiếu với thẻ kho. Ngoài ra để có số liệu đối chiếu, kiểm tra với kế toán tổng hợp, số liệu kế toán chi tiết từ các sổ chi tiết vào bảng. Tổng hợp nhập xuất tồn kho vật liệu theo từng nhóm, loại vật liệu. Có thể khái quát nội dung, trình tự kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1 Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp thẻ song song:

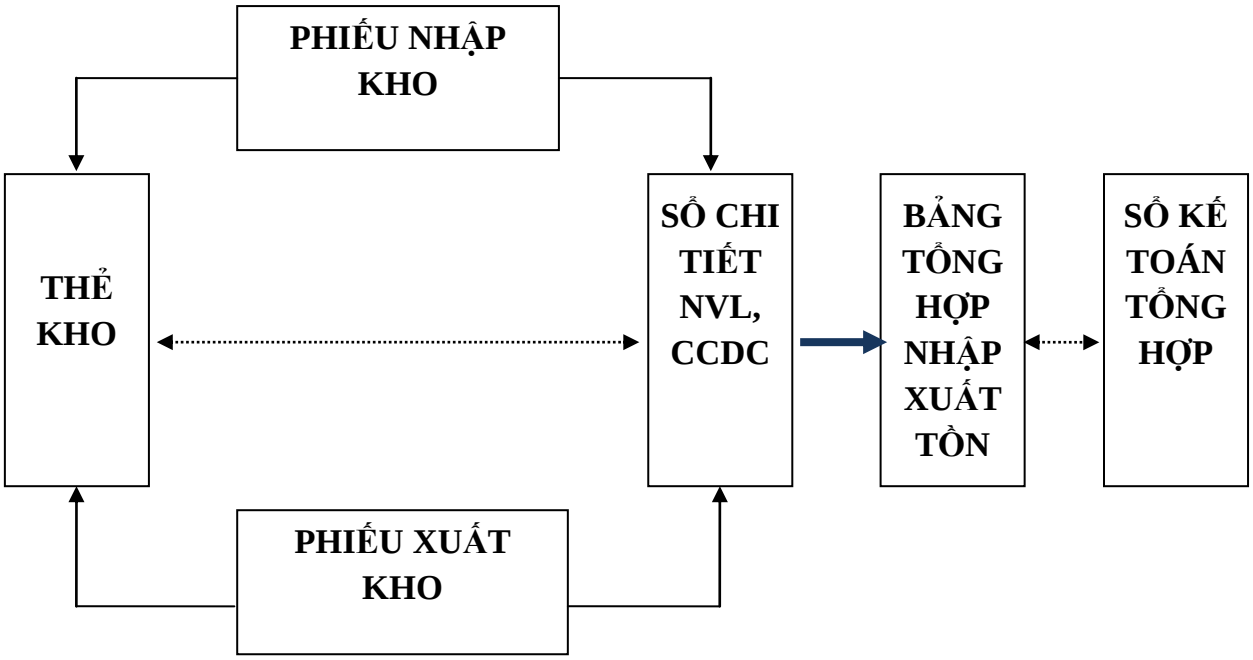

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ⟹

Quan hệ đối chiếu: ⟷

Phương pháp thẻ song song có những ưu và nhược điểm:

Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm tra, đối chiếu, phát hiện sai sót trong việc ghi chép. Quản lý chặt chẽ tình hình biến động về số hiện có của từng vật liệu và giá trị của chúng.

Nhược điểm: Việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán cần trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, khối lượng công việc ghi chép quá lớn nếu chủng loại vật tư nhiều và tình hình nhập, xuất diễn ra thường xuyên hàng ngày. Hơn nữa việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng của kế toán.

Phạm vi áp dụng: Phương pháp thẻ song song được áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, khối lượng nhập, xuất ít, không thường xuyên. Áp dụng cho doanh nghiệp dùng giá mua thực tế để ghi chép vật tư tồn kho.

1.2.2.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

Ở kho: Sử dụng thẻ kho mở cho từng danh điểm vật liệu, công cụ dụng cụ. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập xuất thủ kho ghi số lượng vật liệu, công cụ dụng cụ thực nhập thực xuất vào thẻ kho, mỗi chứng từ ghi một dòng. Cuối ngày thủ kho phải tổng cộng số nhập xuất tồn về mặt lượng.

Ở phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng loại vật liệu ở từng kho dùng cho cả năm, nhưng mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập xuất định kỳ thủ kho gửi lên. Sổ đối chiếu luân chuyển cũng được theo dõi về chỉ tiêu giá trị.

Cuối tháng tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

Nội dung và trình tự kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

Sơ đồ 1.2 Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

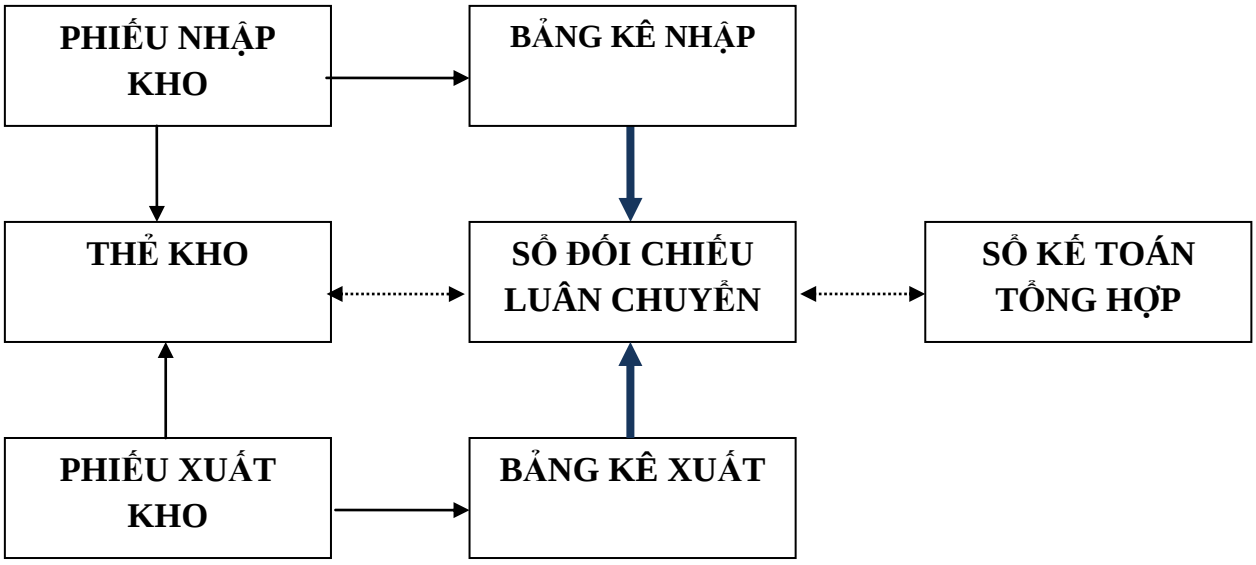

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:

Quan hệ đối chiếu:

Ưu điểm: Giảm được khối lượng ghi chép so với phương pháp thẻ song song.

Nhược điểm: Vẫn còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng giữa thủ kho và phòng kế toán, công việc dồn vào cuối tháng sẽ gây chậm số liệu, hạn chế chức năng kiểm tra thường xuyên của kế toán. Nếu không lập bảng kê nhập, xuất dễ gây nhầm lẫn nhưng nếu lập số lượng ghi chép lớn.

Điều kiện áp dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp không đòi hỏi cung cấp thông tin nhanh phục vụ cho quản trị vật tư.

1.2.2.3 Phương pháp sổ số dư:

Với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm nguyên vật liệu, đồng thời số liệu chứng từ nhập, xuất của mỗi loại khá nhiều thì phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu thích hợp nhất là phương pháp sổ số dư.

Ở kho: Sử dụng thẻ kho hoặc thẻ kho mở cho từng danh điểm vật liệu, công cụ. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập xuất thủ kho ghi số lượng vật liệu, công cụ thực nhập thực xuất vào thẻ kho, mỗi chứng từ ghi một dòng. Cuối ngày thủ kho phải tổng cộng số nhập xuất tồn về mặt lượng. Sử dụng sổ số dư kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm giao cho thủ kho trước ngày cuối tháng trên sổ số dư được sắp xếp cho từng thứ, từng nhóm, loại và có dòng tổng cộng cho từng nội dung cụ thể, thủ kho ghi chỉ tiêu số lượng sau đó chuyển về phòng kế toán.

Ở phòng kế toán: Định kỳ kế toán kiểm tra về ghi chép trên sổ kho và trực tiếp nhận chứng từ nhập xuất kho ký xác nhận vào từng thẻ kho và phiếu giao nhận chứng từ. Kế toán kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ và tổng hợp giá trị theo từng nhóm, loại vật tư để ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, số liệu này được ghi vào bảng kê luỹ kê xuất. Cuối tháng căn cứ vào bảng kê luỹ kế nhập, xuất để tổng cộng số tiền theo từng nhóm vật tư để ghi vào bảng kê nhập xuất tồn. Khi nhận được sổ số dư từ thủ kho kế toán ghi cột thành tiền theo giá hạch toán trên sổ số dư sau đó cộng theo nhóm loại vật tư. Kế toán đối chiếu số liệu giữa bảng kê nhập, xuất tồn kho với sổ số dư và với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

Trong điều kiện thực hiện kế toán bằng phương pháp thủ công thì phương pháp sổ số dư được coi là phương pháp có nhiều ưu điểm: hạn chế việc ghi trùng lặp giữa các kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo được chính xác và kịp thời.

Sơ đồ 1.3 Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp sổ số dư:

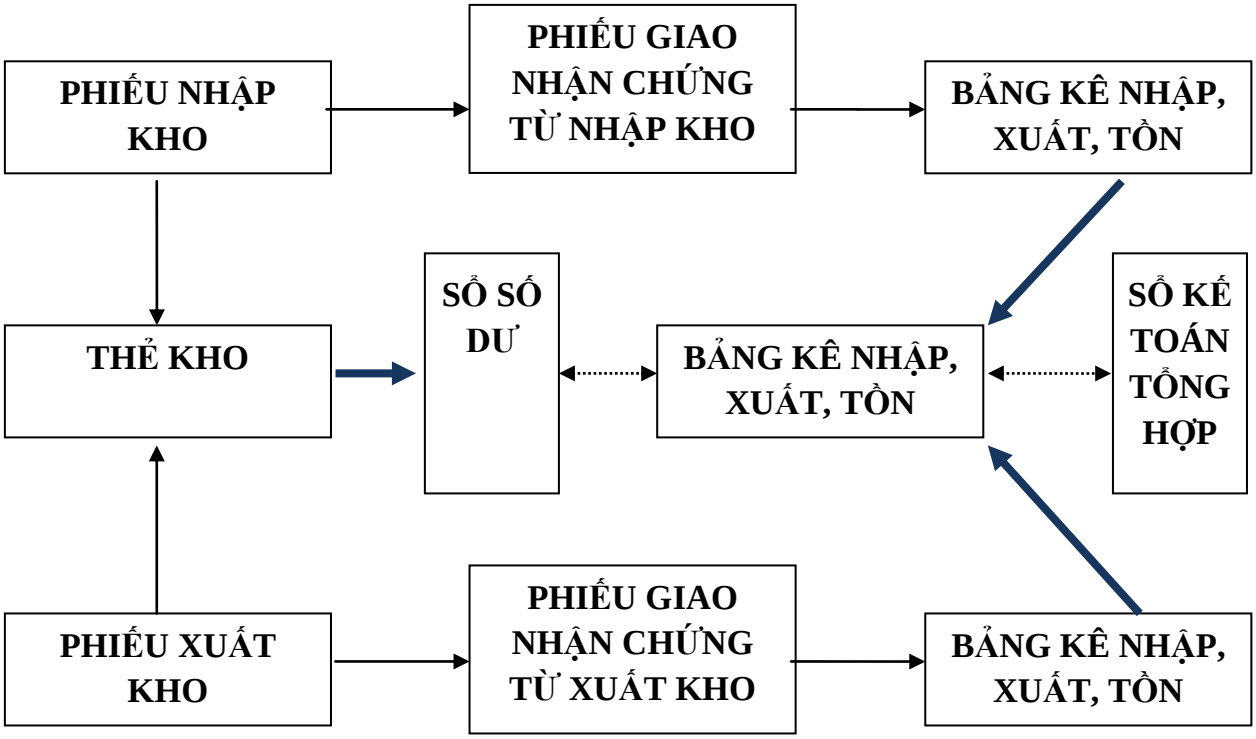

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ——→

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ═══→

Quan hệ đối chiếu: ◄·····►

Ưu điểm: Giảm nhẹ khối lượng ghi chép hàng ngày, thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên của kế toán với việc nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ hàng ngày.

Nhược điểm: Nếu có sai sót khó phát hiện, khó kiểm tra và đòi hỏi yêu cầu trình độ quản lý của thủ kho và kế toán phải khá nếu không sẽ dẫn đến sai sót.

Điều kiện áp dụng: Vật tư có nhiều chủng loại, các nghiệp vụ phát sinh thường xuyên, doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống đơn giá hạch toán và danh điểm vật tư, kế toán viên có trình độ cao, thủ kho có chuyên môn tốt.

1.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

1.2.3.1 Hệ thống chứng từ kế toán sử dụng:

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, các chứng từ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ bao gồm:

1. Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT).
2. Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT).
3. Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 03-VT).
4. Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT).
5. Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 05-VT).
6. Bảng kê mua hàng (mẫu 06-VT).
7. Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu 07-VT).
8. Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTKT3/001).
9. Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTTT3/001).
10. Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03XKNB3/001).

1.2.3.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn kho vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán. Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có tình hình biến động tăng giảm vật tư hàng hoá. Vì vậy giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế, hàng tồn kho so sánh và đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số tồn kho thực tế

phải luôn phù hợp với số tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp…) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có chất lượng cao.

Tài khoản sử dụng:

Để theo dõi tình hình hiện có và tình hình biến động NVL, CCDC kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- Tài khoản 152: "Nguyên liệu, vật liệu":

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 152 - Nguyên liệu, vật liệu:

Bên Nợ:

+ Trị giá nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế biến, thuê ngoài gia công, chế biến, góp vốn liên doanh hoặc từ các nguồn khác.

+ Trị giá nguyên vật liệu thừa khi kiểm kê.

Bên Có:

+ Trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh.

+ Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá người mua.

+ Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng.

+ Trị giá nguyên vật liệu hao hụt mất mát phát hiện khi kiểm kê.

Số dư cuối kỳ bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

TK 152 có thể mở thành các tài khoản cấp 2 để kế toán chi tiết theo từng loại, nhóm thứ vật liệu tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của doanh nghiệp:

- TK 1521: Nguyên vật liệu chính.

- TK 1522: Vật liệu phụ.

- TK 1523: Nhiên liệu.

- TK 1524: Phụ tùng thay thế.

- TK 1528: Vật liệu khác.

- Tài khoản 153: "Công cụ dụng cụ":

Tài khoản này dùng để phản ánh giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại công cụ dụng cụ trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 153 - Công cụ dụng cụ:

Bên Nợ:

+ Trị giá thực tế công cụ dụng cụ nhập kho.

+ Trị giá công cụ dụng cụ phát hiện thừa khi kiêm kê.

Bên Có:

+ Trị giá thực tế công cụ dụng cụ xuất kho.

+ Trị giá thực tế công cụ dụng cụ phát hiện khi kiểm kê.

Số dư cuối kỳ bên Nợ: Trị giá thực tế công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ.

TK 153 được chi tiết thành 3 TK cấp 2:

- TK 1531: Phản ánh giá trị CCDC dự trữ để sử dụng trong doanh nghiệp.

- TK 1532: Bao bì luân chuyển.

- TK 1533: Đồ dùng cho thuê.

- Tài khoản 151: "Hàng mua đang đi đường":

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của các loại hàng hoá, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 151 - Hàng mua đang đi đường:

Bên Nợ:

+ Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường.

Bên Có:

+ Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.

Số dư cuối kỳ bên Nợ: Trị giá vật tư, hàng hoá đã mua nhưng còn đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan như: 133, 331, 111, 112…

Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện trên sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán tổng quát nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên:

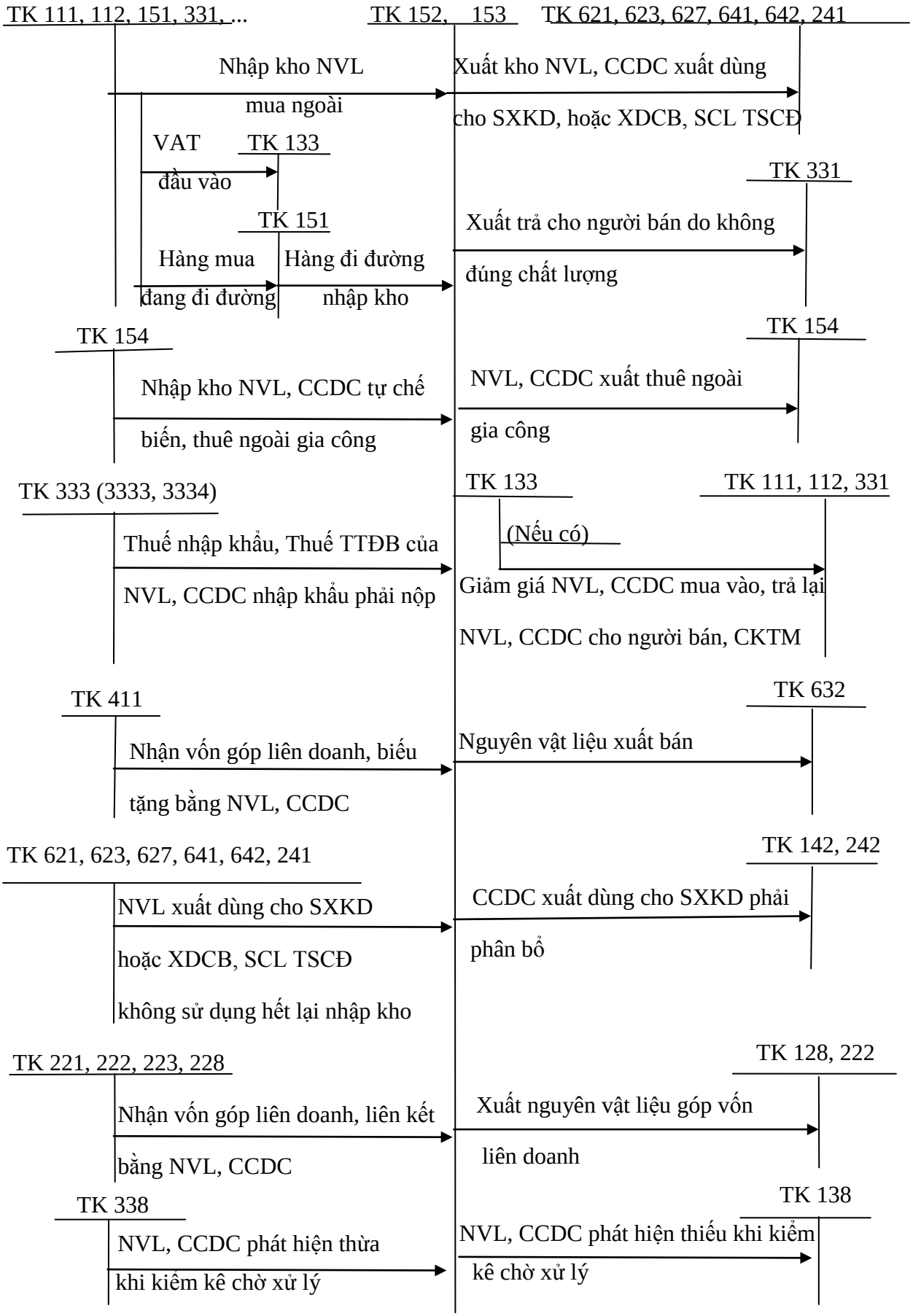
TK 111, 112, 151, 331, ...
TK 152, 153
TK 621, 623, 627, 641, 642, 241
Nhập kho NVL mua ngoài
Xuất kho NVL, CCDC xuất dùng cho SXKD, hoặc XDCB, SCL TSCĐ
VAT đầu vào
TK 133
TK 331
TK 151
Hàng mua đang đi đường
Hàng đi đường nhập kho
Xuất trả cho người bán do không đúng chất lượng
TK 154
TK 154
Nhập kho NVL, CCDC tự chế biến, thuê ngoài gia công
NVL, CCDC xuất thuê ngoài gia công
TK 333 (3333, 3334)
TK 133
TK 111, 112, 331
(Nếu có)
Thuế nhập khẩu, Thuế TTĐB của NVL, CCDC nhập khẩu phải nộp
Giảm giá NVL, CCDC mua vào, trả lại NVL, CCDC cho người bán, CKTM
TK 411
TK 632
Nhận vốn góp liên doanh, biếu tặng bằng NVL, CCDC
Nguyên vật liệu xuất bán
TK 621, 623, 627, 641, 642, 241
TK 142, 242
NVL xuất dùng cho SXKD hoặc XDCB, SCL TSCĐ không sử dụng hết lại nhập kho
CCDC xuất dùng cho SXKD phải phân bổ
TK 221, 222, 223, 228
TK 128, 222
Nhận vốn góp liên doanh, liên kết bằng NVL, CCDC
Xuất nguyên vật liệu góp vốn liên doanh
TK 338
TK 138
NVL, CCDC phát hiện thừa khi kiểm kê chờ xử lý
NVL, CCDC phát hiện thiếu khi kiểm kê chờ xử lý

1.2.3.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hoá vật tư đã xuất dùng theo công thức:

Trị giá hàng xuất kho trong kỳ	**=**	***Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ***	**+** ***Trị giá hàng nhập kho trong kỳ***	**-** ***Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ***

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư hàng hoá (nhập, xuất, tồn kho) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của hàng hoá mua vào nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng (Tài khoản 611- "Mua hàng").

Công tác kiểm kê vật tư hàng hoá được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị vật tư, hàng hoá tồn kho thực tế, trị giá hàng hoá, vật tư xuất kho trong kỳ (tiêu dùng cho sản xuất hoặc xuất bán) làm căn cứ ghi sổ kế toán của tài khoản 611- "Mua hàng".

Như vậy khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán để phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng cho các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hoá, vật tư với quy cách mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp.

Phương pháp kiểm kê định kỳ có ưu điểm: đơn giản, giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán nhưng độ chính xác về giá trị vật tư hàng hoá xuất dùng, xuất bán bị ảnh hưởng của chất lượng công tác quản lý tại kho, quầy, bến bãi.

Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 611: "Mua hàng".

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ hàng hoá mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 611 - Mua hàng:

Bên Nợ:

+ Kết chuyển giá gốc hàng hoá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).

+ Giá gốc hàng hoá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trong kỳ, hàng hoá đã bán bị trả lại…

Bên Có:

+ Kết chuyển giá gốc hàng hoá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).

+ Giá gốc hàng hoá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ hoặc giá gốc hàng hoá xuất bán (chưa xác định là bán trong kỳ).

+ Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

Tài khoản này không có số dư và được chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6111: "Mua nguyên vật liệu".

+ Tài khoản 6112: "Mua hàng hoá".

Phương pháp hạch toán:

Theo phương pháp này sự biến động của nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ được tổng hợp qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5 Sơ đồ hạch toán tổng quát nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

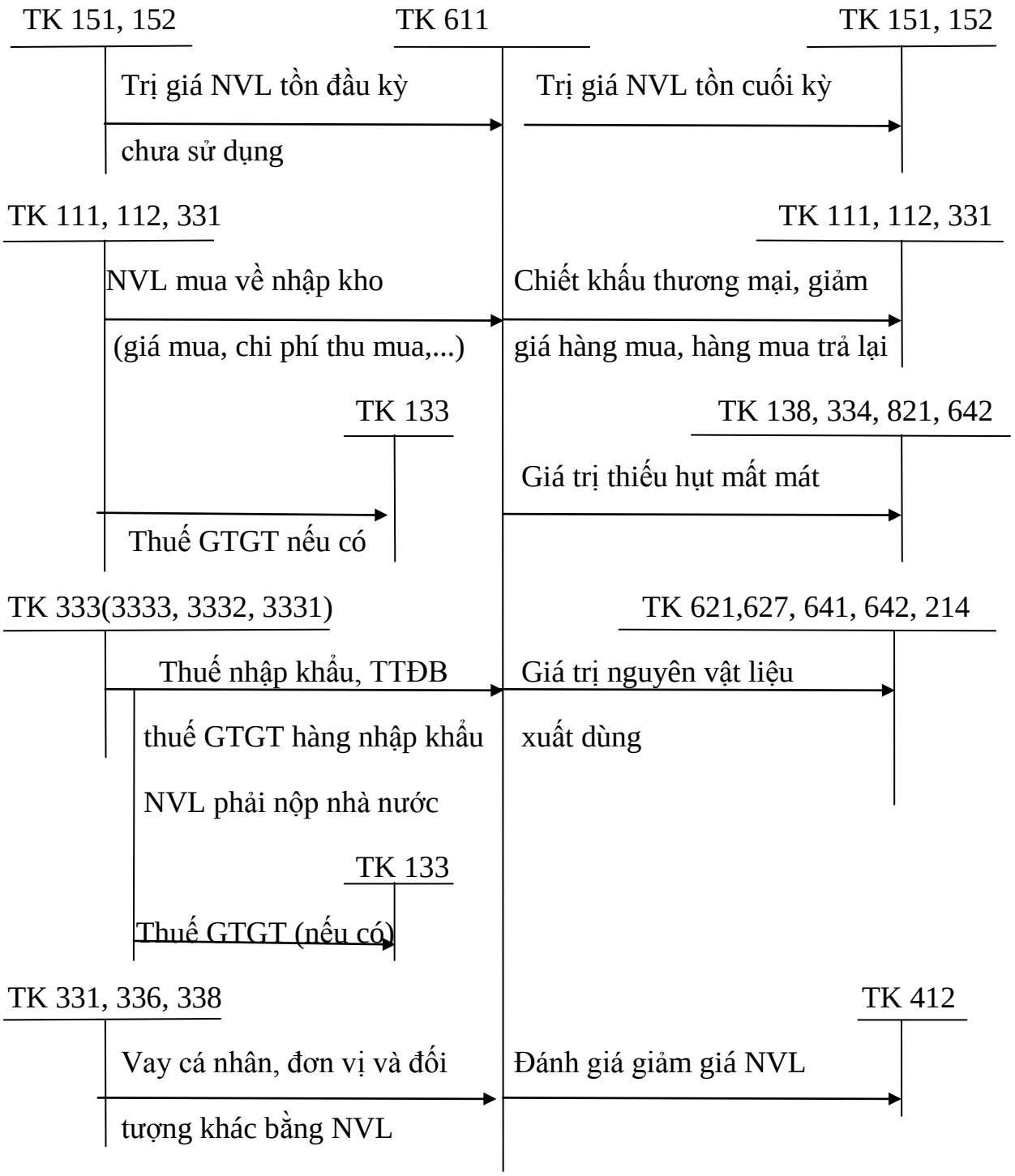
TK 151, 152
TK 611
TK 151, 152
Trị giá NVL tồn đầu kỳ
Trị giá NVL tồn cuối kỳ
chưa sử dụng
TK 111, 112, 331
TK 111, 112, 331
NVL mua về nhập kho
Chiết khấu thương mại, giảm
(giá mua, chi phí thu mua,...)
giá hàng mua, hàng mua trả lại
TK 133
TK 138, 334, 821, 642
Giá trị thiếu hụt mất mát
Thuế GTGT nếu có
TK 333(3333, 3332, 3331)
TK 621,627, 641, 642, 214
Thuế nhập khẩu, TTĐB
Giá trị nguyên vật liệu
thuế GTGT hàng nhập khẩu
xuất dùng
NVL phải nộp nhà nước
TK 133
Thuế GTGT (nếu có)
TK 331, 336, 338
TK 412
Vay cá nhân, đơn vị và đối
Đánh giá giảm giá NVL
tượng khác bằng NVL

1.2.4 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho như sau:

- Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng đáng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải phân tích đến sự biến động của giá cả trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có ở thời điểm ước tính. Ngoài ra, khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dữ trữ hàng tồn kho.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc. Nếu sản phẩm do chúng góp phần tạo nên sẽ bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mà giá thành sản xuất cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho được đánh giá giảm xuống với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 - "Dự phòng giảm giá hàng tồn kho". Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàn tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho

- Tài khoản 159 - "Dự phòng giảm giá hàng tồn kho có kết cấu như sau":

Bên Nợ:

+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập khi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có:

+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư cuối kỳ bên Có: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ. Theo thông tư số 89 về hướng dẫn thực hiện bốn chuẩn mực kế toán vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Phương pháp hạch toán:

Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch như sau:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, ghi:

Nợ TK 159: Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

1.3 Tổ chức sổ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

Để tiến hành ghi chép sổ sách và xác định giá trị vật liệu nhập, xuất, tồn của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán tại doanh nghiệp sản xuất có thể áp dụng một trong các hình thức kế toán.

Theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/03/2006, các Doanh nghiệp sử dụng một trong các hình thức kế toán sau:

- Hình thức Nhật kí chung.
- Hình thức Nhật kí - sổ cái.
- Hình thức Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức Nhật kí - chứng từ.
- Hình thức Kế toán trên máy vi tính.

1.3.1 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.

1.3.1.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt.

- Sổ cái.

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số

liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10 ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (Hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Sơ đồ 1.6 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:

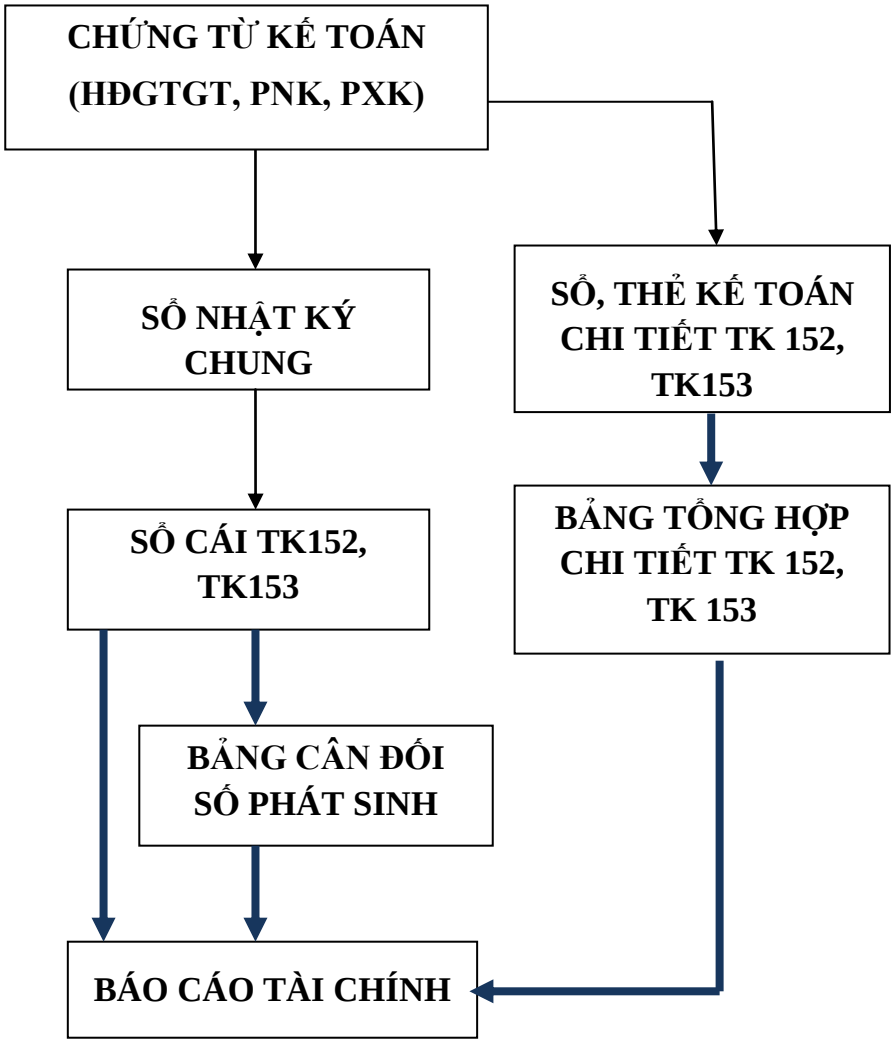

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:

Quan hệ đối chiếu:

1.3.2 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký - Sổ cái.

1.3.2.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ cái.

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái:

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng Sổ Nhật ký - Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ cái.

Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng số tiền của cột "Phát sinh" ở phần Nhật ký bằng Tổng số phát sinh Nợ của tất cả các tài khoản bằng Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản.

- Tổng số dư Nợ các tài khoản bằng tổng số dư Có các tài khoản.

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập Bảng tổng hợp chi tiết cho từng tài khoản. Số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và số dư cuối tháng của từng tài khoản trên sổ Nhật ký - Sổ cái.

1.3.3 Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

1.3.3.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là "Chứng từ ghi sổ". Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ.

- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kém, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ.

- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

- Sổ cái.

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.3.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi

sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bảng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết.

1.3.4 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký - Chứng từ.

1.3.4.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ:

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính cà lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau: Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

1.3.4.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ:

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và nhật ký chứng từ có liên quan. Đối với Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các nhật ký chứng từ ghi trực tiếp vào sổ cái. Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng cộng các sổ, thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào đó để lập bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái.

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.3.5.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

1.3.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu

được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động cập nhật vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được cập nhật trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ.

2.1 Khái quát chung về công ty cổ phần Đình Đô.

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần Đình Đô.

Công ty Cổ Phần Đình Đô có tiền thân là Công ty TNHH cơ khí và thiết bị tàu thủy Đình Đô, chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH sang Công ty Cổ Phần từ năm 2008. Công ty được thành lập căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp.

Công ty Cổ Phần Đình Đô là một Doanh nghiệp cổ phần có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có tài khoản mở tại ngân hàng …

Hiện nay:

- Trụ sở chính của công ty tại: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ**.

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

- Công ty Cổ Phần Đình Đô được thành lập theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0202001507 do sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải phòng cấp ngày 28/04/2003.

- Điện thoại: 031.3574891- Fax: 84.31.574891.

- Vốn điều lệ: 10.080.000.000 đ.

- *Công ty đăng ký kinh doanh các loại hình sau:*

+ Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa kinh doanh các loại tời, xích, neo tàu thuỷ sông biển và tời công trình xây dựng.

+ Sản xuất hàng cơ khí, sửa chữa lắp ráp ô tô.

+ Kinh doanh sơn các loại.

+ Kinh doanh vật liệu xây dựng.

+ Xây dựng các công trình giao thông, thuỷ lợi, nhà ở, trang trí sửa chữa nội thất.

+ Dịch vụ vận tải, hàng hoá thuỷ bộ.

- *Người đại diện theo Pháp luật của Công ty:*

+ Chức danh: Giám đốc.

+ Họ và tên: ***Đào Thị Kiều Vân*** - Giới tính: Nữ.

+ Ngày sinh: 21/09/1974 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.

+ Chứng minh thư nhân dân số: 030950384.

+ Nơi cấp: CA Hải Phòng - Ngày cấp: 21/05/1990.

+ Thường trú tại: Số 12 lô 6 - PG An Đồng - An Dương - Hải Phòng.

2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty.

2.1.2.1 Đặc điểm của sản phẩm:

Sản phẩm chính của Công ty Cổ Phần Đình Đô là các loại tời công nghiệp dùng trong tàu thuỷ sông biển và công trình xây dựng, xích, neo…

2.1.2.2 Quy trình công nghệ và tổ chức sản xuất:

Ở đây bài khóa luận xin đề cập đến quy trình sản xuất tời công nghiệp của công ty là sản phẩm chủ yếu của Công ty.

Khi nói đến sản xuất kinh doanh thì đó là quá trình từ khâu đưa nguyên liệu, vật liệu đầu vào → để sản xuất → tạo ra sản phẩm → đem ra thị trường bán cho khách hàng. Sản phẩm đó phải đảm bảo được những yêu cầu về chất lượng, hình thức và giá cả.

Quy trình chế tạo sản phẩm của công ty là chế tạo theo kiểu phức tạp song song. Mỗi chi tiết sản phẩm do nhiều phân xưởng chế tạo, sau đó mới tập hợp lắp ráp để hoàn thành sản phẩm hoàn chỉnh.

Nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm là tôn, thép hình, bánh răng, sắt trục…; các công cụ, dụng cụ như mặt nạ hàn, quần áo bảo hộ, găng tay, que hàn, khẩu trang, mũ nhựa…được nhập từ trong nước và nước ngoài.

Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất tời của Công ty.

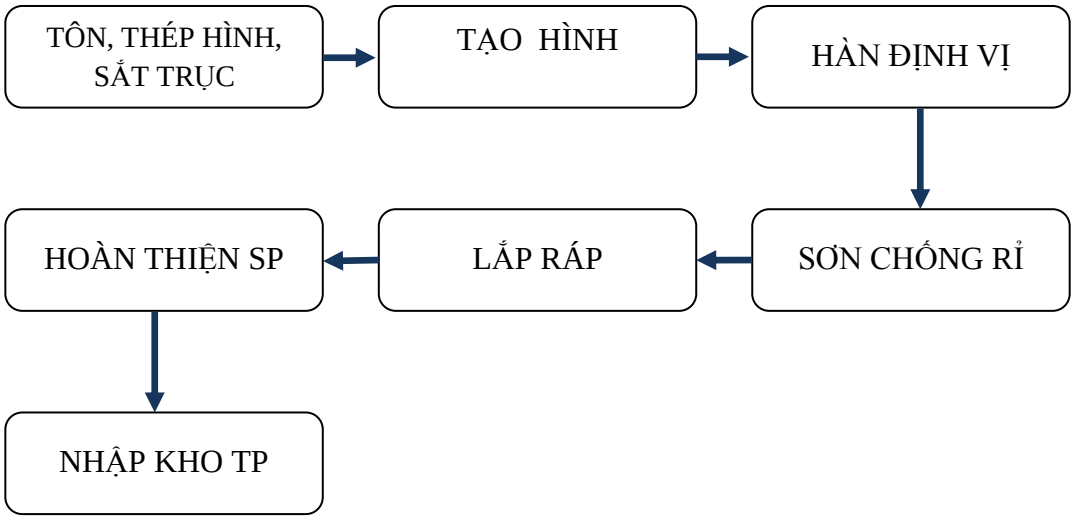

- Đặc điểm công nghệ sản xuất:

Ngành kinh doanh các thiết bị tàu thuỷ trong thời gian qua đã thu được nhiều thành tựu trong công nghệ sản xuất. Động cơ tàu thủy được ví là "trái tim" của con tàu, một ngành công ngiệp đóng tàu hoàn chỉnh không thể thiếu công nghệ sản xuất động cơ. Mặc dù phát triển rất mạnh trong những năm gần đây nhưng ngành công nghiệp đóng tàu Việt Nam vẫn chưa hề có công nghệ sản xuất động cơ và vẫn phải nhập khẩu hoàn toàn.

Tuy vậy quy trình công nghệ sản xuất thiết bị thuỷ của công ty luôn theo từng đợt trên dây chuyền tự động hoá, khép kín, liên hoàn, thống nhất từ khi đưa nguyên vật liệu vào sản xuất đến khi đưa ra sản phẩm. Tất cả máy móc thiết bị trong các dây chuyền sản xuất thiết bị tàu thuỷ đều phải được thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, đảm bảo hoạt động tốt, an toàn và phải có đủ các quy định về nội

quy sử dụng máy móc an toàn, tuân thủ đúng các quy trình thao tác vận hành, có người giám sát theo dõi mọi quy trình hoạt động trong sản xuất.

- Đặc điểm tổ chức sản xuất và kết cấu sản xuất:

Xuất phát từ chức năng ngành nghề được cấp giấy phép kinh doanh căn cứ vào quy trình công nghệ chế tạo sản phẩm, Ban giám đốc Công ty đã đưa ra mô hình sản xuất như sau:

+ Phân xưởng A1: Có nhiệm vụ chế tạo ra hộp số, bệ đế, bánh răng hộp số, trục theo thiết kế từ tôn, thép hình.

+ Phân xưởng A2: Có nhiệm vụ ghép các mạch chi tiết tôn, bánh răng, sắt trục tạo thành bán thành phẩm.

+ Phân xưởng A3: Có nhiệm vụ sơn chống gỉ.

+ Phân xưởng A4: Có nhiệm vụ nhận các bán thành phẩm để lắp ráp hoàn chỉnh và nhập kho thành phẩm các sản phẩm.

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức của công ty.

Qua kết quả sản xuất kinh doanh và sự phát triển của Công ty Cổ Phần Đình Đô trong những năm qua đã khẳng định vị trí, uy tín của Công ty ngày càng lớn mạnh trong nền kinh tế thị trường. Công ty là một trong những Công ty Cổ Phần đang sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ có hiệu quả và đầy triển vọng trong nền kinh tế quốc dân.

Để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả thì công ty cần phải có bộ máy quản lý phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty. Để đáp ứng với đặc điểm hiện tại, Công ty đã xây dựng bộ máy như sau:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty:

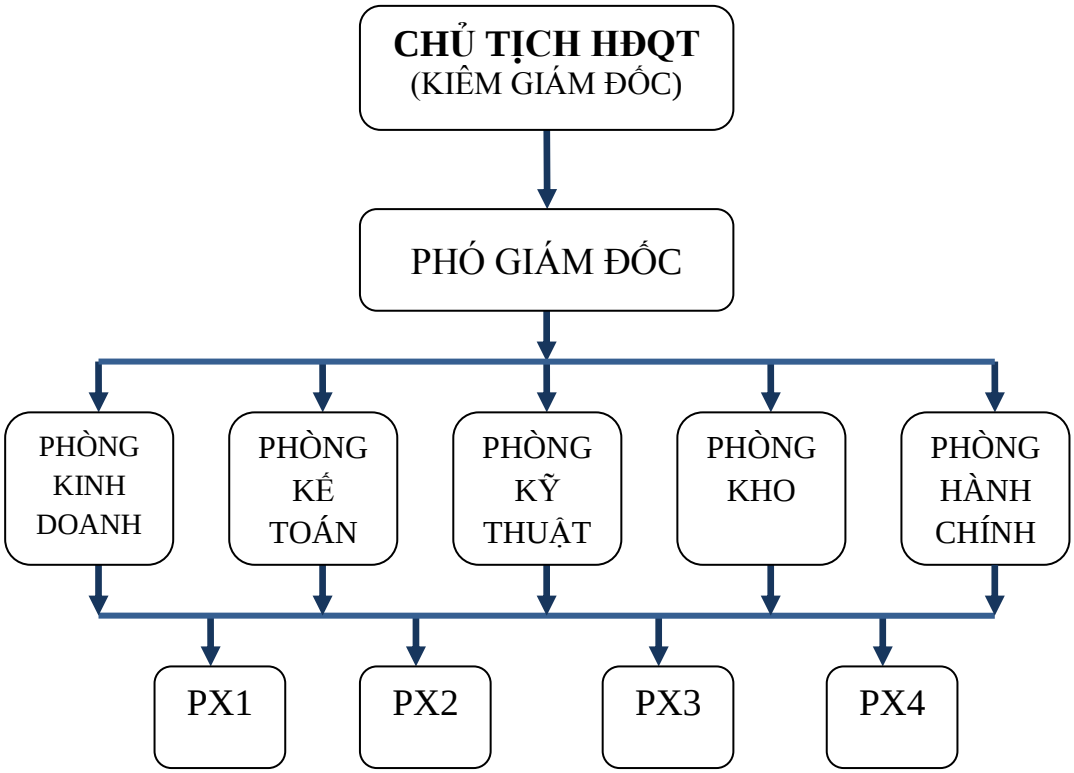

❖ ***Trong đó chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong công ty:***

- Ban giám đốc:

+ *Giám đốc*: Chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể người lao động về kết quả SXKD của toàn Công ty. Điều hành hoạt động của công ty theo kế hoạch đề ra. Chấp hành nghị quyết lãnh đạo của Đảng – nghị quyết của đại hội công nhân viên chức, chịu trách nhiệm trước Nhà nước và cán bộ CNV trong công ty về quản lý tài sản, lao động, vật tư tiền vốn, bảo đảm an ninh trật tự an toàn lao động cho toàn công ty, làm tốt công tác đối nội, đối ngoại, không ngừng chăm lo đến đời sống của người lao động.

+ *Phó giám đốc*: Chịu trách nhiệm giúp giám đốc theo những công việc chuyên trách được phân công, làm tròn nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh và những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình. Chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng kế hoạch. Thay quyền giám đốc đi vắng khi có ủy quyền.

- Các phòng chức năng:

+ Phòng kinh doanh: Có chức năng tung ra các chiến lược kinh doanh, chọn thị trường theo dõi Công nợ và mua vật tư để phục vụ sản xuất.

+ Phòng kế toán: Thực hiện thu chi hàng ngày, đối chiếu công nợ với phòng kinh doanh, thủ tục Ngân hàng, lập BCTC.

❖ *Chức năng:*

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán; Xúc tiến huy động tài chính và quản lý công tác đầu tư tài chính; Thực hiện và theo dõi công tác tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập, chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty...

❖ *Nhiệm vụ:*

Thực hiện công tác Tài chính trong Công ty, thực hiện công tác kế toán thống kê.

+ **Phòng kỹ thuật**: Quản lý công nhân, lập kế hoạch sản xuất, đi sâu về kỹ thuật để sản phẩm ngày càng hoàn thiện.

+ **Phòng kho**: Theo dõi tồn kho, nhập và xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa.

+ Phòng hành chính: Quản lý nhân sự, theo dõi và làm thủ tục bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

+ **Các phân xưởng**: Trực tiếp sản xuất làm ra thành phẩm.

2.1.4. Bộ máy công tác kế toán áp dụng tại đơn vị.

2.1.4.1 Hình thức tổ chức bộ máy kế toán của công ty.

Mô hình bộ máy kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, phòng kế toán gồm 5 người.

Sơ đồ 2.3 : Mô hình tổ chức kế toán tại công ty như sau:

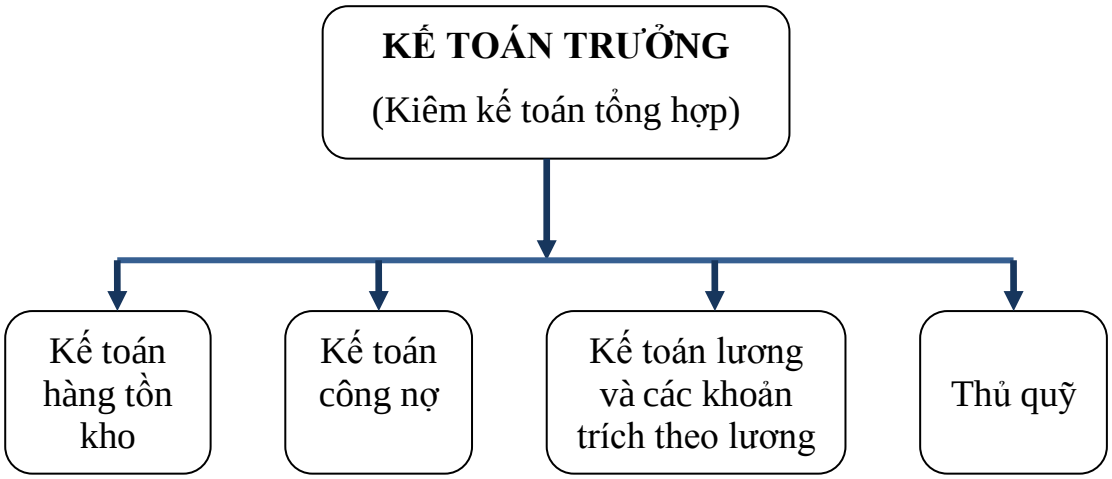

- Nhiệm vụ và chức năng của từng vị trí:

+ *Kế toán trưởng*: Chịu trách nhiệm trực tiếp trước công ty về công việc thuộc nhiệm vụ của phòng tài chính kế toán, có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp tất cả nhân viên kế toán tại công ty. Kế toán trưởng có nhiệm vụ lập các báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, chỉ đạo việc ghi chép sổ sách cho kế toán viên....

+ *Kế toán công nợ*: Kiêm kế toán thanh toán theo dõi toàn bộ công tác thanh toán bằng chuyển khoản, hàng tháng tập hợp chứng từ ngân hàng. Hàng ngày tiếp nhận các chứng từ thanh toán thu chi tiền mặt, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ đồng thời theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng cũng như nhà cung cấp.

+ *Kế toán hàng tồn kho*: Kế toán hàng tồn kho chịu trách nhiệm theo dõi hàng tồn kho, lập và quản lý chứng từ liên quan về hàng tồn kho, theo dõi về chi phí sản xuất sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm.

+ *Kế toán lương và các khoản trích theo lương*: Tập hợp các bảng chấm công từ các bộ phận gửi về, sau đó tính lương và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) theo đúng tỷ lệ quy định.

+ *Thủ quỹ*: Chịu trách nhiệm về các khoản thu, chi tiền mặt.

2.1.4.2 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty.

Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC, hệ thống chứng từ công ty sử dụng theo đúng quy định của BTC.

- Niên độ kế toán: Từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

- Kỳ kế toán: Quý.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhập ký chung.

- Các chính sách, phương pháp kế toán đang áp dụng:

+ Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

+ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: ghi theo giá gốc.

+ Tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân liên hoàn.

+ Tính và nộp thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

+ Tính khấu hao TSCĐ: theo phương pháp đường thẳng.

- Chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng:

Công ty sử dụng chứng từ và tài khoản theo đúng quy định của bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp sử dụng gồm các tài khoản cấp 1, cấp 2, tài khoản trong bảng cân đối kế toán và tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

- Hệ thống sổ kế toán:

+ Công ty áp dụng là hình thức kế toán "Nhật ký chung". Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán "Nhật ký chung" là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ

đối ứng tài khoản vào sổ NKC, sau đó từ sổ NKC vào sổ cái các tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo tài chính.

+ Hệ thống sổ kế toán gồm sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản, sổ chi tiết, sổ tổng hợp chi tiết.

- Hệ thống báo cáo tài chính:

Công ty sử dụng hệ thống báo cáo tài chính gồm báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty lập những báo cáo tài chính sau:

+ Bảng cân đối kế toán.

+ Báo cáo kết qủa hoạt động kinh doanh.

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

+ Bảng thuyết minh báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.4 Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán của Công ty Cổ Phần Đình Đô:

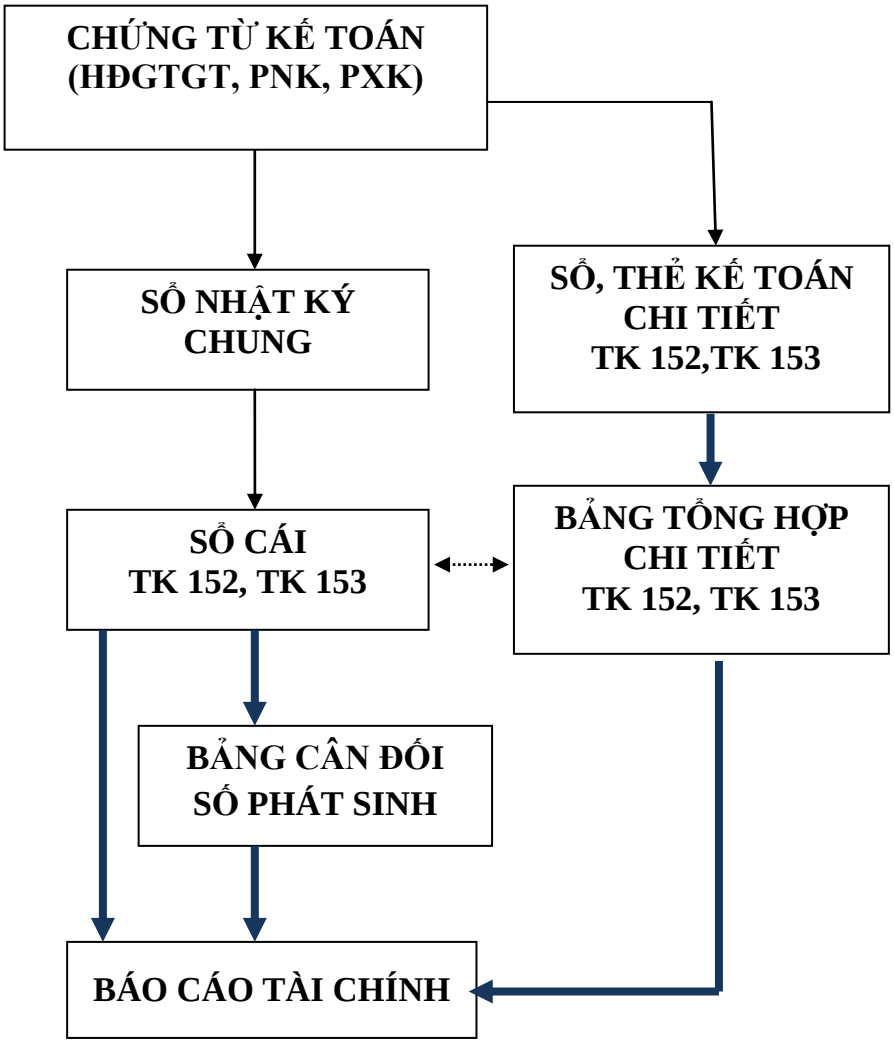

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ⟹

Quan hệ đối chiếu: ⇠⇢

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô.

2.2.1 Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô.

2.2.1.1 Đặc điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Như đã nói ở trên, sản phẩm chính của Công ty Cổ Phần Đình Đô là các loại tời công nghiệp dùng trong tàu thuỷ sông biển và công trình xây dựng. Do đó nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất sản phẩm là tôn, thép hình, bánh răng, sắt trục…; các công cụ dụng cụ như mặt nạ, quần áo bảo hộ, găng tay, khẩu trang, mũ nhựa...được nhập từ trong nước và nước ngoài. Cũng như các DN sản xuất khác, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của Công ty đều mang đặc điểm chung, vừa là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, vừa là cơ sở để cấu thành nên thực thể của sản phẩm. Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất sản phẩm và bị tiêu hao toàn bộ, không giữ được nguyên hình thái ban đầu; giá trị của nguyên vật liệu được chuyển dịch hết vào giá trị sản phẩm. Còn đối với công cụ dụng cụ giá trị của chúng cũng được chuyển dịch hết hoặc phân bổ dần vào giá trị sản phẩm.

2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Để có thể quản lý chặt chẽ từng loại nguyên vật liệu và tổ chức kế toán Công ty tiến hành phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ dựa vào nội dung kinh tế, vai trò, tác dụng của chúng như sau:

** Đối với nguyên vật liệu của Công ty được phân loại như sau*:

- Nguyên vật liệu chính: tôn, thép hình, thép tấm các loại, bánh răng, sắt trục, phôi đúc đồng, mắt nối xích, tám xoay, phôi ma ní, tôn thép tấm, xích neo, trám xích, gối tròn, ly hợp trám, trục, puly, gối vấu, gối bi, …

- Nguyên vật liệu phụ: sơn,…

- Nhiên liệu: được sử dụng trực tiếp vào quy trình công nghệ của sản xuất sản phẩm. Do tính chất của quá trình sản xuất, nhiên liệu sử dụng ở đây gồm: ga hoá lỏng + oxy, dầu diesel, dầu nhờn, mỡ, dầu KO…

- Phụ tùng thay thế, sửa chữa: là các chi tiết phụ tùng của các loại máy móc thiết bị mà Công ty sử dụng bao gồm phụ tùng thay thế các loại máy móc như máy hàn, máy cắt tôn… và phụ tùng thay thế như mỏ hàn, săm lốp ô tô….

- Phế liệu thu hồi: bao gồm các đoạn thừa của thép, sắt vụn….

* *Đối với công cụ dụng cụ được phân loại như sau:*

Công cụ dụng cụ được phân bổ theo giá trị và thời gian sử dụng:

- Phân bổ 1 lần: mặt nạ hàn, găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ, mũ nhựa, que hàn KOBE, đá mài, đá cắt, cút hàn, băng tải, giấy nhám…

- Phân bổ nhiều lần: Tủ điện, máy vi tính, máy khoan, máy cắt, máy hàn, đệm tàu, con kê…

2.2.2 Đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

2.2.2.1 Đánh giá nguyên vật liệu:

Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là dùng tiền để biểu hiện giá trị của chúng. Hiện nay, công ty hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được tính theo giá gốc. Kế toán xác định giá nhập và xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ như sau:

Giá thực tế nhập kho	**=**	***Giá mua ghi trên hoá đơn***	**+**	***Các khoản thuế nhập khẩu, thuế khác nếu có***	**+**	***Chi phí thu mua thực tế***	**-**	***Các khoản giảm trừ (CKTM, giảm giá…)***

a. Nguyên vật liệu nhập kho:

Với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty nên nguồn nguyên vật liệu sản xuất chủ yếu là nguyên vật liệu mua ngoài.

b. Nguyên vật liệu xuất kho:

Tại Công ty cổ phần Đình Đô, nguyên vật liệu xuất kho được tính theo giá bình quân liên hoàn:

Trị giá thực tế xuất kho	***= Số lượng xuất x Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập***	
Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập	=	***Giá trị thực tế tồn kho sau thứ i lần nhập*** / ***Số lượng tồn kho sau thứ i lần nhập***

2.2.2.2 Đánh giá công cụ, dụng cụ.

Việc đánh giá công cụ, dụng cụ tương tự như đối với nguyên vật liệu và được tiến hành bình thường. Công cụ, dụng cụ xuất dùng chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất và một số nhu cầu khác. Căn cứ vào chứng từ xuất kho công cụ, dụng cụ, kế toán tập hợp phân loại theo các đối tượng sử dụng rồi tính ra giá thực tế xuất dùng. Do công cụ, dụng cụ có tính chất cũng như giá trị, thời gian sử dụng và hiệu quả của công tác mà việc tính toán phân bổ giá trị thực của công cụ, dụng cụ xuất dùng vào các đối tượng sử dụng có thể một hoặc nhiều lần.

2.2.3 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty.

2.2.3.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

a. Mua hàng:

- Căn cứ vào kế hoạch SXKD và thực tế sử dụng các bộ phận và phân xưởng sẽ lập được nhu cầu sử dụng hàng hoá và dịch vụ và vật tư phụ tùng cho năm kế hoạch bao gồm: số lượng và yêu cầu về chất lượng, ký mã hiệu, thời hạn cần

có, hãng sản xuất, thời gian và phương pháp đánh giá chất lượng, số lượng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

- Phòng kinh doanh lập kế hoạch mua hàng năm trình giám đốc duyệt. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng, dữ liệu mua, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, các báo cáo tồn kho và đánh giá chất lượng của nơi sử dụng, diễn biến của thị trường cung cấp giá cả.

- Căn cứ vào kế hoạch mua hàng năm, căn cứ vào nhu cầu thực tế phòng kỹ thuật vật tư lập kế hoạch mua theo quý, tháng trình giám đốc trước 7 ngày và thực hiện mua hàng trước 2 ngày của quý, tháng kế hoạch.

b) Nhập kho, bảo quản và đánh giá chất lượng.

- Nhập kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Thủ kho: Căn cứ vào hóa đơn, kết quả kiểm định hoặc kiểm nghiệm tiến hành nhập kho hàng hóa phù hợp với yêu cầu của hợp đồng, đơn hàng hoặc kết luận trong các biên bản nghiệm thu của xưởng sản xuất, cập nhật vào thẻ kho.

Nhân viên kế toán vật tư: Căn cứ bộ chứng từ trên viết phiếu nhập kho và nhập vào báo cáo chi tiết nhập xuất tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

- Quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu nhập kho, công cụ dụng cụ là vấn đề quan trọng, giúp công ty đảm bảo được tình hình cung cấp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, đánh giá được việc thường xuyên cung cấp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, đánh giá được chi phí đầu vào của công ty. Do đó các chứng từ hóa đơn phải được lưu giữ đầy đủ theo quy định hiện hành.

Chứng từ sử dụng cho thủ tục nhập nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ gồm: Hóa đơn GTGT, Phiếu nhập kho.

Trình tự nhập kho:

Khi nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về đến công ty, phòng kỹ thuật vật tư sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho khi tổ chức bốc xếp vào

kho. Trong trường hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho kém phẩm chất, không đủ số lượng thì phải báo ngay với phòng kỹ thuật vật tư và cùng với bộ phận kiểm tra chất lượng tiến hành kiểm tra lô hàng để có biện pháp xử lý kịp thời.

Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên liên quan. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Kế toán sử dụng để vào sổ.

- Liên 2: Giao cho người giao hàng.

- Liên 3: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho.

Ví dụ 1: Nhập kho nguyên vật liệu:

Ngày 06/12/2011 mua 7.692 kg thép hình, trị giá 119.995.200 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% và 14.465 kg thép tròn, trị giá 229.993.500 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% của công ty Cổ phần vật tư xây dựng và vận tải Toàn Long. Hàng được giao tận kho của công ty, chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua. Công ty chưa thanh toán. Vậy giá trị thực tế thép hình nhập kho là 119.995.200 đồng và giá trị thực tế thép tròn nhập kho là 229.993.500 đồng.

Ví dụ 2: Nhập kho công cụ dụng cụ:

Ngày 01 tháng 12 năm 2011 công ty mua 200 Kg que hàn KOBE 308 loại 2.0 mm, trị giá 17.000.000 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% của công ty TNHH thương mại Hưng Dự. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt. Vậy giá trị thực tế công cụ dụng cụ nhập kho là 17.000.000 đồng.

Biểu số 2.1

HÓA ĐƠN **Mẫu số: 01GTKT3/001**

GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: AA/11P

Liên 2: Giao người mua Số: **0000052**

Ngày 06 tháng 12 năm 2011.

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP VẬT TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI TOÀN LONG

Mã số thuế: **0200605108**

Địa chỉ: Số 95 Hồ Sen, Thị Trấn Núi Đối, Huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng

Điện thoại:

Số tài khoản: 10891899 tại ACB Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Bùi Văn Dũng

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

Mã số thuế: **0200566829**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

Hình thức thanh toán:...Chậm trả.....Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
1)	Thép hình	Kg	7.692	15.600	119.995.200
2)	Thép tròn	Kg	14.465	15.900	229.993.500
Cộng tiền hàng:					349.988.700

Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT:	34.998.870
	Tổng cộng tiền thanh toán:	384.987.570
Số tiền viết bằng chữ: *Ba trăm tám mươi tư triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi đồng chẵn.*		

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.2

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** **Mẫu số: 03-VT**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 06 tháng 12 năm 2011.

Căn cứ vào hóa đơn bán hàng số 0000052 của công ty cổ phần vật tư xây dựng và vận tải Toàn Long.

Ban kiểm nghiệm gồm có:

Bà: Nguyễn Thị Hường - Đại diện phòng kế hoạch vật tư: Trưởng ban.

Ông: Trần Quốc Hưng - Đại diện phòng kỹ thuật: Uỷ viên.

Bà: Trần Thị Nguyên - Thủ kho.

Đã kiểm nghiệm vật tư sau:

STT	Tên hàng hóa, ký mã vật tư	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Số lượng vật tư đúng quy cách phẩm chất	Số lượng vật tư không đúng quy cách, phẩm chất	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
1)	Thép hình	Kg	7.692	7.692	0	
2)	Thép tròn	Kg	14.465	14.465	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Đã đạt tiêu chuẩn nhập kho.

Cán bộ kỹ thuật	Thủ kho	Trưởng ban	Cán bộ mua vật tư
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.3

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** **Mẫu số: 01-VT**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO Nợ: TK 152: 349.988.700

Ngày 06 tháng 12 năm 2011. Có: TK 112: 349.988.700

Số: .....850.....

Họ tên người giao hàng: Vũ Đình Tạ.

Theo HĐ GTGT số 0000052 ngày 06 tháng 12 năm 2011 của Công ty CP vật tư xây dựng & vận tải Toàn Long.

Nhập tại kho: .....01..... Địa điểm: Công ty cổ phần Đình Đô.

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ , sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1)	Thép hình		Kg	7.692	7.692	15.600	119.995.200
2)	Thép tròn		Kg	14.465	14.465	15.900	229.993.500
	Cộng						349.988.700

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Ba trăm bốn mươi chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm đồng.*

Số chứng từ gốc kèm theo: 01.

Ngày 06 tháng 12 năm 2011.

Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.4

HÓA ĐƠN **Mẫu số: 01GTKT3/001**

GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: AA/11P

Liên 2: Giao cho người mua Số: **0000539**

Ngày 01 tháng 12 năm 2011.

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HƯNG DỰ

Mã số thuế: **0200660123**

Địa chỉ: Số 19 Tam Bạc 2, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3830282

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Lê Khắc Hiếu

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

Mã số thuế: **0200566829**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

Hình thức thanh toán:Tiền mặt. Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
1)	Que hàn KOBE 308 loại 2.0mm	Kg	200	85.000	17.000.000

		Cộng tiền hàng:	17.000.000
Thuế suất GTGT:	10%	Tiền thuế GTGT:	1.700.000
		Tổng cộng tiền thanh toán:	18.700.000
Số tiền viết bằng chữ: *Mười tám triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn.*			

Người mua hàng. (Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng. (Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị. (Ký, ghi rõ họ tên)

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.5

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ**

Mẫu số: 03-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Căn cứ vào hóa đơn bán hàng số 0000539 của Công ty TNHH Thương mại Hưng Dự.

Ban kiểm nghiệm gồm có:

Bà: Nguyễn Thị Hường - Đại diện phòng kế hoạch vật tư: Trưởng ban.

Ông: Trần Quốc Hưng - Đại diện phòng kỹ thuật: Uỷ viên.

Bà: Trần Thị Nguyên - Thủ kho.

Đã kiểm nghiệm vật tư sau:

STT	Tên hàng hóa, ký mã vật tư	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Số lượng vật tư đúng quy cách phẩm chất	Số lượng vật tư không đúng quy cách, phẩm chất	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
1)	Que hàn KOBE 308 loại 2.0 mm	Kg	200	200	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Đã đạt tiêu chuẩn nhập kho.

Cán bộ kỹ thuật Thủ kho Trưởng ban Cán bộ mua vật tư

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký,họ tên)

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.6

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng.	**Mẫu số: 01-VT** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO Nợ: TK 152: 17.000.000

Ngày 01 tháng 12 năm 2011 Có: TK 111: 17.000.000

Số: .....840.....

Họ tên người giao hàng: Nguyễn Mạnh Toàn

Theo HĐ GTGT số 0000539 ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Công ty TNHH Thương mại Hưng Dự.

Nhập tại kho: .....04..... Địa điểm: Công ty cổ phần Đình Đô.

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ , sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1)	Que hàn KOBE 308 loại 2.0mm		Kg	200	200	85.000	17.000.000

	Cộng						17.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Mười bảy triệu đồng chẵn.*

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 01 tháng 12 năm 2011.

Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

2.2.3.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty được dùng chủ yếu cho sản xuất, ngoài ra khi có yêu cầu có thể xuất bán hoặc xuất khác. Từ các phiếu xuất kho, thủ kho vào thẻ kho để theo dõi mặt số lượng của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho. Mỗi thẻ kho được mở cho từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Kế toán kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ của phiếu xuất kho sau đó tính giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho để điền vào phiếu.

Phiếu xuất kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên liên quan. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Kế toán sử dụng để vào sổ.

- Liên 2: Giao cho người nhận hàng.

- Liên 3: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho.

Ví dụ 3: Xuất kho nguyên vật liệu:

Ngày 08 tháng 12 năm 2011, xuất kho 11.260 kg nguyên vật liệu thép hình và 12.525 kg nguyên vật liệu thép tròn để sản xuất sản phẩm.

- Tình hình nhập, xuất thép hình:

- Tồn đầu kỳ: 0

- Ngày 04/12 nhập kho (PN844): SL: 5.561 kg, ĐG: 15.200 đồng.

- Ngày 06/12 nhập kho (PN 850): SL: 7.692 kg, ĐG: 15.600 đồng.

- Ngày 08/12 xuất kho (PX 712): SL: 11.260 kg.

Vậy đơn giá xuất kho thép hình theo phương pháp bình quân liên hoàn tại ngày 08/12/2011 là:

$$\text{Đơn giá} = \frac{5.561 \text{ x } 15.200 + 7.692 \text{ x } 15.600}{5.561 + 7.692} = 15.432 \text{ (đồng)}$$

Trị giá xuất kho thép hình: TT= 11.260 x 15.432 = 173.764.320 (đồng).

- Tình hình nhập, xuất thép tròn:

- Tồn đầu kỳ: SL: 4.330 kg, ĐG: 15.600 đồng.

- Ngày 06/12 nhập kho (PN 850): SL: 14.465 kg, ĐG: 15.900 đồng.

- Ngày 08/12 xuất kho (PX 712): SL: 12.525 kg.

Vậy đơn giá xuất kho thép tròn theo phương pháp bình quân liên hoàn tại ngày 08/12/2011 là:

$$\text{Đơn giá} = \frac{4.330 \text{ x } 15.600 + 14.465 \text{ x } 15.900}{4.330 + 14.465} = 15.831 \text{ (đồng)}$$

Trị giá xuất kho thép tròn: 12.525 x 15.831 = 198.283.275 (đồng).

Ví dụ 4: Xuất kho công cụ dụng cụ:

Ngày 05 tháng 12 năm 2011, xuất kho 400 kg Que hàn KOBE 308 2.0 mm để phục phụ sản xuất sản phẩm.

- Tình hình nhập, xuất que hàn KOBE:

- Tồn đầu kỳ: 0.

- Ngày 01/12 nhập kho (PN840): SL: 200 kg, ĐG: 85.000 đồng.

- Ngày 03/12 nhập kho (PN 842): SL: 215 kg, ĐG: 85.000 đồng.

- Ngày 05/12 xuất kho (PX 706): SL: 400 kg.

Vậy đơn giá xuất kho que hàn KOBE theo phương pháp bình quân liên hoàn tại ngày 05/12/2011 là:

$$\text{Đơn giá} = \frac{200 \times 85.000 + 215 \times 85.000}{200+215} = 85.000 \text{ (đồng)}$$

Trị giá xuất kho que hàn KOBE: 400 x 85.000 = 34.000.000 đồng

Biểu số 2.7:

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ**
Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 08 tháng 12 năm 2011
Số: .....712.....

Nợ: TK 621: 372.047.595
Có: TK 152: 372.047.595

Họ tên người nhận hàng: Bùi Văn Long Địa chỉ (bộ phận): Phân xưởng A1.

Lý do xuất kho: Xuất kho để sản xuất sản phẩm.

Xuất tại kho: .....01..... Địa điểm: Công ty cổ phần Đình Đô.

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ , sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1)	Thép hình		Kg	11.260	11.260	15.432	173.764.320
2)	Thép tròn		Kg	12.525	12.525	15.831	198.283.275
	Cộng						372.047.595

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Ba trăm bảy mươi hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng.*

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 08 tháng 12 năm 2011.

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.8

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** **Mẫu số: 02-VT**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng. (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO Nợ: TK627: 34.000.000

Ngày 05 tháng 12 năm 2011 Có: TK153: 34.000.000

Số: .....706.....

Họ tên người nhận hàng: Bùi Văn Long Địa chỉ (bộ phận): Phân xưởng A1.

Lý do xuất kho: Xuất kho phục vụ sản xuất sản phẩm.

Xuất tại kho: .....04..... Địa điểm: Công ty cổ phần Đình Đô.

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ , sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1)	Que hàn KOBE 308 loại 2.0mm		Kg	400	400	85.000	34.000.000

	Cộng						34.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Ba mươi tư triệu đồng chẵn.*

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 05 tháng 12 năm 2011.

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

2.2.3.3 Trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là công việc kết hợp chặt chẽ giữa việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho và việc ghi chép kế toán tại phòng kế toán công ty trong việc quản lý vật tư mà ở đó thủ kho có trách nhiệm quản lý về mặt số lượng còn kế toán kiểm soát cả mặt số lượng và giá trị. Công việc hạch toán chi tiết là công việc khá phức tạp đòi hỏi phải phản ánh kịp thời, đầy đủ cả về mặt hiện vật và giá trị trong quá trình kiểm soát các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Quá trình nhập xuất tại công ty diễn ra rất thường xuyên liên tục nên hiện tại doanh nghiệp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song.

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp thẻ song song:

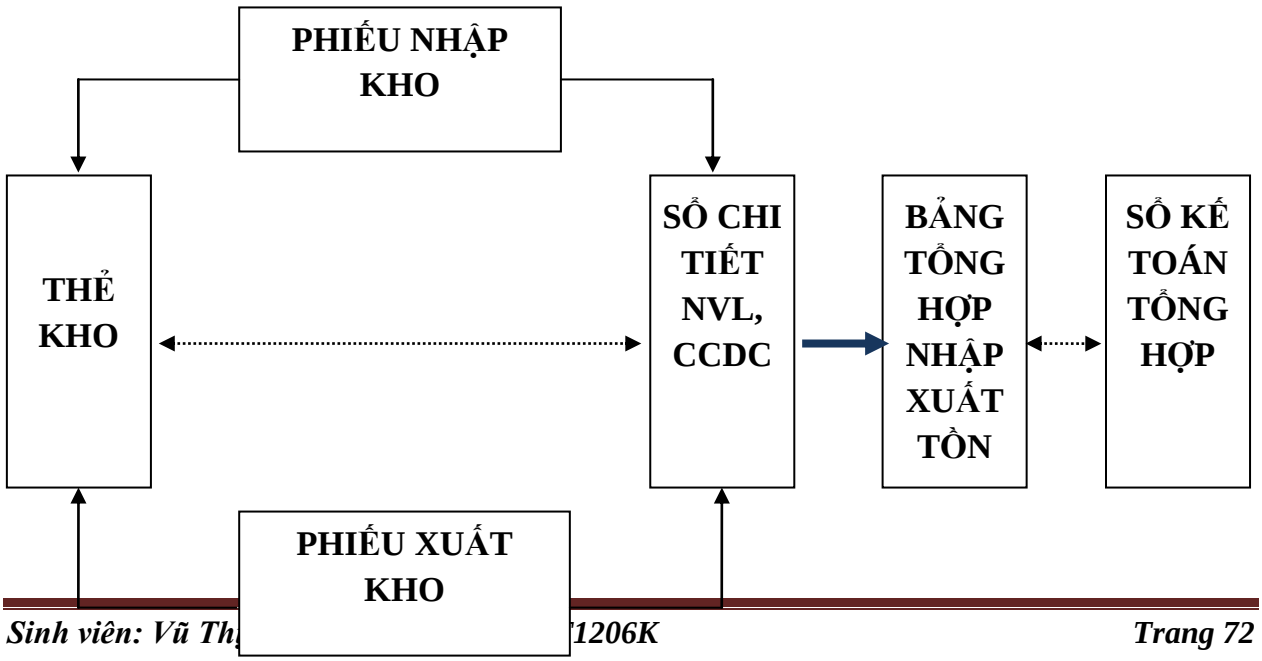

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:

Quan hệ đối chiếu:

*** Đối với thẻ kho.**

Căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, thủ kho ghi số thực nhập, thực xuất vào thẻ kho.

- Tại kho: Thủ kho dùng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại vật tư hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng. Sau khi nhận và kiểm tra tính hợp pháp của chứng từ nhập, xuất thủ kho ghi số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho. Cuối ngày tính toán số tồn kho để ghi vào cột tồn trên thẻ kho. Định kỳ, gửi chứng từ nhập, chứng từ xuất kho cho phòng kế toán.

- Tại phòng kế toán: Kế toán kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ, căn cứ vào chứng từ này để ghi vào dổ kế toán chi tiết.

*** Đối với sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.**

Từ những chứng từ nhập, xuất kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp rồi ghi sổ chi tiết vật liệu theo dõi cả về số lượng và giá trị.

Tiếp theo ví dụ 1 và ví dụ 3:

- Căn cứ vào phiếu nhập 850 và phiếu xuất 712 thủ kho ghi thẻ kho và sổ chi tiết nguyên vật liệu. Cuối kỳ căn cứ vào các sổ chi tiết TK 152, kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết TK 152.

Tiếp theo ví dụ 2 và ví dụ 4:

- Căn cứ vào phiếu nhập 840 và phiếu xuất 706 thủ kho ghi thẻ kho và sổ chi tiết nguyên công cụ dụng cụ. Cuối kỳ căn cứ vào các sổ chi tiết TK 153, kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết TK 153.

Biểu số 2.9

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** **Mẫu số S12- DN**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng. (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày mở thẻ: 01 tháng 10 năm 2011.

Tên, quy cách vật tư: Thép hình Tên kho: Số 1

Mã số vật tư:...TH. Đơn vị tính: Kg

STT	NT chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	Ngày NK, XK	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Số dư đầu kỳ				**0**	
…	…	…	….	**…**	…	…	….	….	…
17)	04/12	PN844		Nhập kho	04/12	5.561		5.561	
18)	06/12	PN850		Nhập kho	06/12	7.692		13.253	
19)	08/12		PX712	Xuất kho	08/12		11.260	1.993	
20)	15/12	PN869		Nhập kho	15/12	3.250		5.243	
21)	22/12		PX742	Xuất kho	22/12		5.243	-	
				Cộng số phát sinh		**66.012**	**66.012**	**-**	
				Số dư cuối kỳ				**0**	

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.10

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** **Mẫu số S10- DN**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng. (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản:..152..... Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Thép hình…...

Tiểu khoản:…..... Mã số vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa):…TH…..... Đơn vị tính:.Kg….

Tên kho:…Số 1…..... Quý 4 - Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ							**0**	
..	…	**…**	…	…	…	…	…	…	…	…
PN844	04/12	Nhập kho	331	15.200	5.561	84.527.200			5.561	84.527.200
PN850	06/12	Nhập kho	112	15.600	7.692	119.995.200			13.253	204.522.400
PX712	08/12	Xuất kho	621	15.432			11.260	173.764.320	1.993	30.758.080
PN869	15/12	Nhập kho	112	15.600	3.250	50.700.000			5.243	81.458.080
PX742	22/12	Xuất kho	621	15.537			5.243	81.458.080	-	-
		Cộng số phát sinh			**66.012**	**1.020.889.600**	**66.012**	**1.020.889.600**	**-**	**-**
		Số dư cuối kỳ							**-**	**-**

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.11

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** **Mẫu số S12- DN**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày mở thẻ: 01 tháng 10 năm 2011

Tên, quy cách vật tư: Thép tròn Tên kho: Số 1

Mã số vật tư:…TT. Đơn vị tính: Kg

STT	NT chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	Ngày NK, XK	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Số dư đầu kỳ				**4.330**	
…	…	…	…	**…**	…	…	…	**…**	…
16)	06/12	PN850		Nhập kho	06/12	14.465		18.795	
17)	08/12		PX712	Xuất kho	08/12		12.525	6.270	
18)	15/12	PN869		Nhập kho	15/12	8.625		14.895	
19)	22/12		PX742	Xuất kho	22/12		12.250	2.645	
				Cộng số phát sinh		**92.360**	**94.045**		
				Số dư cuối kỳ				**2.645**	

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.12

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** **Mẫu số S10- DN**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản:..152……..... Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Thép tròn…..

Tiểu khoản:……..... Mã số vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa):…TT…….Đơn vị tính:.Kg

Tên kho:…Số 1……..... Quý 4 - Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3 = 1 x 2	4	5 = 1 x 4	6	7 = 1x 6
		Số dư đầu kỳ							**4.330**	**67.548.000**
…	…	**…**	…	…	…	…	…	….	**…**	**…**
PN850	06/12	Nhập kho	112	15.900	14.465	229.993.500			18.795	297.541.500
PX712	08/12	Xuất kho	621	15.831			12.525	198.283.275	6.270	99.258.225
PN869	15/12	Nhập kho	112	16.200	8.625	139.725.000			14.895	238.983.225
PX742	22/12	Xuất kho	621	16.045			12.250	196.551.250	2.645	42.431.975
		Cộng số phát sinh			**92.360**	**1.478.874.000**	**94.045**	**1.503.990.025**	-	-
		Số dư cuối kỳ							**2.645**	**42.431.975**

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.13

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** **Mẫu số S12- DN**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng. (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày mở thẻ: 01 tháng 10 năm 2011

Tên, quy cách vật tư: Que hàn KOBE Tên kho: Số 4

Mã số vật tư:…QH. Đơn vị tính: Kg

STT	NT chứng từ	Chứng từ		Diễn giải	Ngày NK, XK	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Số dư đầu kỳ				**0**	
…	…	…	…	**…**	…	…	…	…	…
17)	01/12	PN840		Nhập kho	01/12	200		200	
18)	03/12	PN842		Nhập kho	03/12	215		415	
19)	05/12		PX706	Xuất kho	05/12		400	15	
20)	10/12	PN861		Nhập kho	10/12	315		330	
21)	15/12		PX727	Xuất kho	15/12		230	100	
				Cộng số phát sinh		**2.920**	**2.820**	**-**	
				Số dư cuối kỳ				**100**	

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.14

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** **Mẫu số S10- DN**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng. (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản:..153…..... Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Que hàn KOBE…..

Tiểu khoản:…..... Mã số vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa):…QH…..... Đơn vị tính:.Kg…..

Tên kho:…Số 4…..... Quý 4 - Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3 = 1 x 2	4	5 = 1 x 4	6	7 = 1x 6
		Số dư đầu kỳ							**0**	
…	…	**…**	…	…	…	…	…	…	….	…
PN840	01/12	Nhập kho	111	85.000	200	17.000.000			200	17.000.000
PN842	03/12	Nhập kho	331	85.000	215	18.275.000			415	35.275.000
PX706	05/12	Xuất kho	627	85.000			400	34.000.000	15	1.275.000
PN861	10/12	Nhập kho	111	85.000	315	26.775.000			330	28.050.000
PX727	15/12	Xuất kho	627	85.000			230	19.550.000	100	8.500.000
		Cộng số phát sinh			**2.920**	**248.200.000**	**2.820**	**239.700.000**	-	-
		Số dư cuối kỳ							**100**	**8.500.000**

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.15

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** **Mẫu số S11- DN**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng. (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN

Tài khoản: 152

Quý 4 - Năm 2011

STT	Tên, quy cách vật liệu, công cụ (SP, HH)	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1)	Mắt nối xích	Kg	0	0	44	74.000.000	44	74.000.000	0	0
2)	Neo thép	Kg	0	0	12.000	222.000.000	11.400	210.900.000	600	11.100.000
3)	Tám xoay	Kg	0	0	4	39.000.000	4	39.000.000	0	0
4)	Phôi ma ní	Kg	0	0	2.240	42.560.000	0	0	2.240	42.560.000
5)	Thép tròn	Kg	4.330	67.548.000	92.360	1.478.874.000	94.045	1.503.990.025	2.645	42.431.975
6)	Thép hình	Kg	0	0	66.012	1.020.889.600	66.012	1.020.889.600	0	0
7)	Phôi đúc đồng	Kg	0	0	7.142	999.880.000	6.550	917.000.000	592	82.880.000
..	...	....	...	...	....	...	...	...	...	...
	Cộng		**-**	**248.652.000**	**-**	**16.892.051.000**	**-**	**16.862.169.035**	**-**	**278.533.965**

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.16

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** **Mẫu số S11- DN**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng. (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN

Tài khoản: 153

Quý 4 - Năm 2011

STT	Tên, quy cách vật liệu, công cụ (sản phẩm, hàng hóa)	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1)	Que hàn KOBE	Kg	0	0	2.920	248.200.000	2.820	239.700.000	100	8.500.000
2)	Đá cắt	Viên	20	120.000	240	1.440.000	250	1.500.000	10	60.000
3)	Ủng cao su	Đôi	15	675.000	140	6.300.000	155	6.975.000	0	0
4)	Giày bata	Đôi	20	320.000	140	2.240.000	160	2.560.000	0	0
5)	Mặt nạ hàn	Cái	0	0	220	11.330.000	215	11.042.500	5	257.500
6)	Đá mài	Viên	15	75.000	240	1.200.000	255	1.275.000	0	0
7)	Máy khoan	Cái	0	0	10	37.000.000	10	37.000.000	0	0
..	..	...	...	....	...	...	...	...	...	...
	Cộng		**-**	**21.575.500**	**-**	**2.206.017.500**	**-**	**2.215.627.500**	**-**	**11.965.500**

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.17

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

BẢNG PHÂN BỔ CHI PHÍ TK 242

Quý 4 - Năm 2011

STT	Tên VT	BP SD	SL	Đơn giá	Thành tiền	TGPB (Quý)	Giá trị còn lại kỳ trước	Số tiền PB kỳ này	Đối tượng phân bổ			GTCL
									641	642	627	
1)	Tủ điện	PX	5	8.500.000	42.500.000	4	21.250.000	10.625.000	-	-	10.625.000	10.625.000
2)	Máy tính	PKT	1	9.000.000	9.000.000	8	9.000.000	1.125.000	-	1.125.000	-	7.875.000
3)	Bàn 1.8m	PGĐ	2	1.600.000	1.600.000	5	960.000	320.000	-	320.000	-	640.000
4)	Máy hàn	PX	4	9.500.000	38.000.000	8	23.750.000	4.750.000	-	-	4.750.000	19.000.000
5)	Két sắt	PKT	1	2.500.000	2.500.000	8	1.250.000	312.500	-	312.500	-	937.500
6)	Máy khoan	PX	10	3.700.000	37.000.000	4	37.000.000	9.250.000		-	9.250.000	27.750.000
	..	…	…	…	…	….	…	…	…	…	…	…
	Cộng						**618.441.333**	**211.352.986**		**21.387.500**	**189.965.486**	**407.088.347**

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

2.2.4 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô.

Hiện nay công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để ghi chép các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho.

2.2.4.1 Chứng từ sử dụng:

Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, biên bản bàn giao vật tư và các chứng từ khác có liên quan.

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng:

TK 152: "Nguyên liệu, vật liệu".

TK 153: "Công cụ, dụng cụ".

Ngoài ra công ty sử dụng các tài khoản hạch toán sau: TK154, TK621, TK622, TK627, TK242, TK642, TK111, TK112, TK331.

2.2.4.3 Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

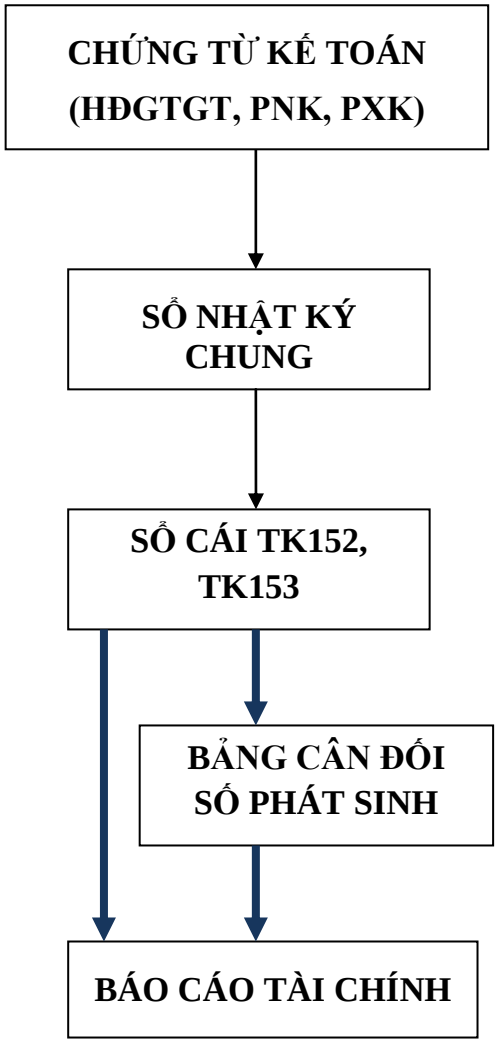

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:

Quan hệ đối chiếu:

Ví dụ 7: Tiếp các ví dụ trên:

Căn cứ từ PN, PX, HĐGTGT ở các ví dụ trên, kế toán vào Sổ nhật ký chung. Từ Sổ nhật ký chung kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ cái TK 152, TK 153, TK 331, TK 621…

Biểu số 2.18

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BT ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)
Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
..	...	..	..	...	...	..
HĐ539	01/12	Mua que hàn KOBE của công ty TNHH Thương mại Hưng Dự, đã trả bằng TM.	✓	153 133 111	17.000.000 1.700.000	 18.700.000
...	..	...	..	..	..	..
HĐ028, PKT408	04/12	Mua thép hình của công ty cổ phần vật tư xây dựng và vận tải Toàn Long, chưa thanh toán.	✓	152 133 331	84.527.200 8.452.720	 92.979.920
PX706	05/12	Xuất kho que hàn KOBE phục vụ sản xuất sản phẩm.	✓	627 153	34.000.000	 34.000.000
HĐ434	05/12	Mua phôi đồng đúc của công ty TNHH TM vật tư Sơn Hải, thanh toán bằng CK.	✓	152 133 112	249.970.000 24.997.000	 274.967.000

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
..	...	..	..	...	...	..
HĐ052, PKT 412	06/12	Mua thép hình, thép tròn của công ty cổ phần vật tư xây dựng và vận tải Toàn Long, chưa thanh toán.	✓	152 133 331	349.988.700 34.998.870	 384.987.570
....	....	....		...	...	...
PX712	08/12	Xuất kho thép hình, thép tròn để sản xuất sản phẩm.	✓	621 152	372.047.595	 372.047.595
...	....	....	..	...	...	...
PX744	22/12	Xuất kho phôi đồng đúc để sản xuất sản phẩm.	✓	621 152	235.480.000	 235.480.000
PKT 428	31/12	Phân bổ chi phí dài hạn quý 4 năm 2011.	✓	627 642 242	189.965.486 21.387.500	 211.352.986
....	....	....		...	...	...
		Cộng			**921.724.085.080**	**921.724.085.080**

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.19

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Quý 4 - Năm: 2011

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		**248.652.000**	
...	..	...	..	..	..
HĐ028	04/12	Mua thép hình của công ty cổ phần vật tư xây dựng và vận tải Toàn Long, chưa thanh toán.	331	84.527.200	
HĐ434	05/12	Mua phôi đồng đúc của công ty TNHH TM vật tư Sơn Hải, thanh toán bằng CK	112	249.970.000	
HĐ052	06/12	Mua thép hình, thép tròn của CT cổ phần vật tư xây dựng và vận tải Toàn Long, chưa thanh toán.	331	349.988.700	
....	....	....	...	...	...
PX712	08/12	Xuất kho thép hình, thép tròn để sản xuất sản phẩm.	621		372.047.595
...	....	....	...	...	...
PX744	22/12	Xuất kho phôi đồng đúc để sản xuất sản phẩm.	621		235.480.000
...	...	....	...	...	...
		Cộng phát sinh trong kỳ		**16.892.051.000**	**16.862.169.035**
		Số dư cuối kỳ		**278.533.965**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.20

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Quý 4 - Năm: 2011

Tên tài khoản: Công cụ dụng cụ

Số hiệu: 153

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tr NKC	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			**21.575.500**	
...	..	...	..	..	..	..
HĐ539	01/12	Mua que hàn KOBE của công ty TNHH Thương mại Hưng Dự, đã trả bằng TM.		111	17.000.000	
...	...	....	...	...	...	...
PX706	05/12	Xuất kho que hàn KOBE phục vụ sản xuất sản phẩm.		627		34.000.000
PX707	05/12	Xuất kho mặt nạ hàn phục vụ sản xuất sản phẩm.		627		2.575.000
..	...	...	...	...	...	...
PN862	10/12	Mua đá mài phục vụ PXSX		627	300.000	
PX715	10/12	Xuất kho máy tính cho PKT		242	9.000.000	
..	…	…	…	…	…	…
		Cộng phát sinh trong kỳ			**2.206.017.500**	**2.215.627.500**
		Số dư cuối kỳ			**11.965.500**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.21

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Quý 4 - Năm: 2011

Tên tài khoản: Phải trả cho người bán

Số hiệu: 331

Chứng từ		Diễn giải	Tr NKC	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ				**1.650.890.425**
...	..	...	..	..	..	..
HĐ028	04/12	Mua thép hình của công ty cổ phần vật tư xây dựng và vận tải Toàn Long, chưa thanh toán.		152 133		84.527.200 8.452.720
...	...	....	...	...	...	...
HĐ052	06/12	Mua thép hình, thép tròn của công ty cổ phần vật tư xây dựng và vận tải Toàn Long, chưa thanh toán.		152 133		349.988.700 34.998.870
UNC98	08/12	Thanh toán tiền hàng theo HĐ 028		112	92.979.920	
..	...	...	...	...	...	...
UNC102		Trả tiền hàng cho công ty cổ phần thép Hùng Cường		112	288.550.550	
..	…	…	…	…	…	…
		Cộng phát sinh trong kỳ			**25.952.555.550**	**25.367.550.455**
		Số dư cuối kỳ				**1.065.885.330**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 2.22

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ** (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Quý 4 - Năm: 2011

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tr NKC	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			-	-
...	..	...	..	..	..	..
PX708	05/12	Xuất kho neo thép đê sản xuất sản phẩm.		152	11.100.000	
…	…	…	…	..	…	…
PX712	08/12	Xuất kho thép hình, thép tròn để sản xuất sản phẩm.		152	372.047.595	
PX 713	08/12	Xuất kho phôi ma ní để sản xuất sản phẩm		152	26.600.000	
...	...	....	...	...	...	...
PX744	22/12	Xuất kho phôi đồng đúc để sản xuất sản phẩm.		152	235.480.000	
..	...	...	...	...	...	...
PKT422	31/12	Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp quý 4		154		16.862.169.035
		Cộng phát sinh trong kỳ			**16.862.169.035**	**16.862.169.035**
		Số dư cuối kỳ			-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

2.2.5 Tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

Cũng như các doanh nghiệp khác, theo quy định của Nhà nước mỗi năm công ty Cổ phần Đình Đô tiến hành kiểm kê hàng tồn kho và các tài sản khác một lần vào cuối năm.

Mục đích của việc kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng vật tư trong kho, phát hiện giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý vật tư ở công ty. Trước mỗi lần kiểm kê, được sự thông báo của hội đồng kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho kiểm kê. Đồng thời ở phòng kế toán, các sổ kế toán về vật tư đều được khóa sổ sau khi kế toán tính ra giá trị tồn kho của vật tư. Thông qua việc cân, đo, đong, đếm...Hội đồng kiểm kê phát hiện kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào biên bản kiêm kê này, giám đốc công ty cùng với hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định xử lý thích hợp như: thanh lý, nhượng bán, quyết định đòi bồi thường nếu cá nhân làm mất hoặc làm hỏng... Căn cứ vào biên bản xử lý kết quả kiểm kê kế toán tiến hành ghi sổ.

Biểu số 2.23

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ

Năm: 2011

Thời gian kiểm kê: 9 giờ 00 phút, ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Ban kiểm kê gồm có:

Bà: Nguyễn Thị Hường - Đại diện phòng kế hoạch vật tư: Trưởng ban.

Ông: Trần Quốc Hưng - Đại diện phòng kỹ thuật: Uỷ viên.

Bà: Trần Thị Nguyên - Thủ kho.

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng sau đây:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	ĐVT	Sổ sách		Thực tế		Chênh lệch				Phẩm chất		
			SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
							SL	TT	SL	TT			
1	Thép tròn	Kg	2.645		2.645		-		-		x		
2	Phôi ma ní	Kg	2.240		2.240						x		
	...	..	....	..	...	...	...	...	...	...	...	...	...
6	Neo thép	Kg	600		600						x		
7	Mắt nối	Kg	252		252						x		
	...	...	...		...	...	...	...	...	...	...		

Kết luận của ban kiểm kê: Tất cả vật liệu còn tốt 100%, không chênh lệch giữa sổ sách và và kết quả kiểm kê.

Cán bộ kỹ thuật	Thủ kho	Trưởng ban
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

3.1 Đánh giá khái quát về tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô.

Qua nhiều năm xây dựng và trưởng thành, công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn, song với chiến lược sản xuất kinh doanh nhạy bén và đúng đắn, sự nỗ lực của Ban lãnh đạo công ty cùng với cán bộ công nhân viên, công ty đã có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng. Và ghi dấu ấn vững mạnh trên thị trường sản xuất vật liệu xây dựng bằng việc quan tâm đầu tư phát triển thương hiệu.

Trong nền kinh tế thị trường nhỏ hiện nay, công ty đã từng bước khẳng định tính độc lập, tự chủ trong kinh doanh; biết khai thác, phát huy và sử dụng có hiệu quả nội lực tiềm năng sẵn có của mình.

Trong thời gian thực tập tốt nghiệp tại công ty cổ phần Đình Đô, được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo và các phòng ban, đặc biệt là phòng kế toán tài vụ đã tạo điều kiện cho em từng bước tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp. Với kiến thức được học trong nhà trường kết hợp với việc liên hệ và tìm hiểu thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại công ty cổ phần Đình Đô có những ưu điểm và những hạn chế sau.

3.1.1 Ưu điểm:

Cùng với sự phát triển của công ty, tập thể ban lãnh đạo cũng không ngừng nâng cao chất lượng của công tác quản lý như: áp dụng khoa học kỹ thuật vào nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tiết kiệm thời gian, đem lại lợi ích tối đa cho công ty, góp phần nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên toàn công ty và đóng góp một phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước.

❖ ***Về bộ máy kế toán:***

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ với những nhân viên có năng lực, nhiệt tình trong công việc, được bố trí phù hợp với những khả năng của mỗi người đã góp phần đắc lực vào công tác hạch toán kế toán, quản lý kinh tế tài chính của công ty.

Trong nội bộ của phòng kế toán luôn quán triệt chế độ trách nhiệm mỗi phần việc đều có người phụ trách. Trưởng phòng kế toán phụ trách chung công việc. Mỗi nhân viên đều phải hiểu rõ chức năng của mình, luôn học hỏi để nâng cao trình độ và nghiệp vụ. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ làm cho bộ máy kế toán hoàn thành tốt nhiệm vụ với hiệu suất chất lượng cao.

Công ty đã áp dụng vi tính vào công tác kế toán để tiết kiệm chi phí, giảm bớt khối lượng công việc thời gian cho nhân viên kế toán, giúp cho nhân viên kế toán hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

❖ ***Về công tác thu mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:***

Về công tác thu mua bảo quản dự trữ vật tư: Công ty luôn chú trọng đến vấn đề chất lượng, số lượng vật tư sao cho phù hợp với yêu cầu thực tế để đáp ứng đủ kịp thời cho sản xuất tránh ứ đọng vốn. Tại các kho của công ty luôn có đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và bảo vệ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và các thủ tục nhập xuất cũng được quản lý chặt chẽ và liên hoàn.

- Với vật liệu phụ, vật liệu hàn, kho sơn, công ty đã cho xây dựng hệ thống từng nhà kho riêng biệt và có thủ kho riêng. Từng kho có lắp đặt các thiết bị bảo quản vật liệu riêng, các thủ kho này sẽ có trách nhiệm bảo quản và quản lý việc nhập xuất vật liệu, công cụ dụng cụ của kho phụ thuộc về yêu cầu của sản xuất, đồng thời cũng chịu sự quản lý trực tiếp của phòng quản lý vật liệu của công ty.

- Với vật liệu chính: các loại thép tấm, thép tròn, thép hình, thép ống... có kích thước lớn, có chiều dài lớn, do vậy công ty không thể xây dựng được hệ thống nhà kho như trên mà công ty chỉ xây dựng các bãi tập kết ngoài trời, có bạt che phủ. Cũng như các kho trên, việc quản lý nhập xuất nguyên vật liệu cũng do một thủ kho riêng phụ trách và chịu sự quản lý trực tiếp của phòng ban quản lý vật tư của công ty.

Định mức vật tư: được xây dựng có khoa học và áp dụng khá nghiêm ngặt. Về vấn đề thanh toán với nhà cung cấp vật tư đề được nhân viên kế toán theo dõi sát sao trên hệ thống sổ chi tiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đối chiếu, thanh toán công nợ theo hợp đồng kinh tế.

Đạt được những thành tựu trên là nhờ vào sự định hướng và sự chỉ đạo đúng đắn của tập thể ban lãnh đạo công ty kết hợp với sự phấn đấu bền bỉ của toàn thể cán bộ, công nhân kĩ sư trong toàn công ty. Trong đó có sự đóng góp không nhỏ của những người làm công tác tài chính kế toán ở công ty và các đơn vị trực thuộc.

❖ ***Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán:***

Công ty áp dụng hình thức Nhật kí chung để ghi sổ sách kế toán. Hình thức này có nhiều ưu điểm: ghi chép đơn giản, rõ ràng, kết hợp các tài khoản tổng hợp và chi tiết trên cùng một sổ sách kế toán, tạo điều kiện thuận lợi trong việc lập báo cáo tài chính. Do đó hình thức này phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của công ty. Sổ cái và Nhật kí chung được công ty áp dụng và ghi chép đầy đủ, cận thận rõ ràng. Các tài khoản cấp I, cấp II được công ty sử dụng phù hợp khi hạch toán. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu trữ cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu mua hàng, bán hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương liên tục.

Công ty sử dụng hệ thống chứng từ theo đúng mẫu quy định của chế độ kế toán đã ban hành. Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

❖ ***Về việc tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:***

Tổ chức hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ công ty áp dụng phương pháp pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty. Phương pháp hạch toán này đã giúp công ty quản lí, theo dõi và kiểm tra nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chính xác, kịp thời hơn.

Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Với phương pháp này giúp cho phòng kế toán có thể theo dõi chặt chẽ từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đồng thời việc kiểm tra, đối chiếu các chứng từ cũng đơn giản. Các thẻ kho, sổ chi tiết và các loại sổ sách chi tiết khác có liên quan của phương pháp này được công ty mở và ghi chép đúng mẫu, kịp thời và đầy đủ.

Tóm lại, việc hạch toán nguyên vật liệu tại công ty đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phản ánh, giám sát tình hình hoạt động của công ty cũng như tình hình nguyên vật liệu phục vụ cho sửa chữa tại các công trình giúp các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo hoạt động kinh doanh đồng thời đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho công ty.

3.1.2 Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm đã đề cập ở trên, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của công ty, còn bộc lộ những mặt hạn chế cần khắc phục:

- ***Về luân chuyển chứng từ:***

Việc luân chuyên chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ.

- ***Về việc hạch toán nguyên vật liệu:***

Việc hạch toán nguyên vật liệu đôi khi còn mang tính thủ tục, rườm rà việc mua nguyên vật liệu về xuất thẳng xuống bộ phận sản xuất, kế toán không hạch toán thẳng vào chi phí nguyên vật liệu mà tiến hành làm thủ tục nhập kho sau đó mới làm thủ tục xuất kho do đó phải mất nhiều công sức và thời gian cho công việc này.

- ***Sổ sách:***

Do nguyên vật liệu trong công ty rất đa dạng phong phú nên công ty đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu chính.
- Nguyên vật liệu phụ.
- Phụ tùng thay thế.
- Nhiên liệu.
- Phế liệu thu hồi.

Mặc dù có sự phân loại này nhưng phòng kế toán không lập danh điểm vật tư.

❖ ***Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*:**

Hiện nay công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trong kho đó công ty phải luôn dự trữ nguyên vật liệu trong kho để phục vụ cho quá trình sản xuất. Như vậy, các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, hàng hoá tồn kho giảm giá sẽ không được bù đắp, không lường trước được những rủi ro trong kinh doanh.

❖ ***Việc ứng dụng phần mềm kế toán:***

Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính cho phòng kế toán song máy vi tính chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán kế toán chủ yếu vẫn thực hiện theo cách thủ công nên khối lượng công việc mà kế toán phải làm là rất vất vả, điều này sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc. Trong thời gian tới công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán để giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán.

❖ ***Về việc phân định kế toán tài chính và kế toán quản trị:***

Kế toán Công ty chưa phân biệt kế toán tài chính và kế toán quản trị. Kế toán quản trị với chức năng chủ yếu là cung cấp thông tin cho các đối tượng trong nội bộ doanh nghiệp nên có thể cung cấp thông tin nhanh chóng và đáp ứng được yêu

cầu của nhà quản lý một cách đầy đủ và chính xác nhất khi có yêu cầu. Tại Công ty hiện nay chủ yếu là kế toán tài chính.

❖ ***Về việc kiểm kê vật tư:***

Kiểm kê NVL, CCDC là công việc cần thiết để bảo vệ an toàn cho NVL, CCDC, để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng vật tư trong kho, phát hiện giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý vật tư ở công ty. Ở công ty, việc kiểm kê NVL, CCDC được tiến hành 1 năm 1 lần. Vì vậy công ty không theo dõi thường xuyên về tình hình số lượng, chất lượng của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để kịp thời phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số tồn kho thực tế và số tồn trên sổ sách.

3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty cổ phần Đình Đô.

3.2.1 Nguyên tắc hoàn thiện:

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau:

- *Nguyên tắc nhất quán*: Nguyên tắc này yêu cầu kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.

- *Nguyên tắc giá gốc*: Quy định nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải được tính theo giá gốc.

- *Nguyên tắc thận trọng:* Nguyên tắc này đòi hỏi muốn hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải thận trọng từng bước.

3.2.2 Yêu cầu hoàn thiện:

Hoàn thiện kế toán trong công ty là việc hết sức quan trọng và cần thiết, để đảm bảo cho việc hoàn thiện mang tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu quản lý của công ty phải thực hiện được các yếu tố sau:

- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc kế toán chung.

- Phải đảm bảo tôn trọng cơ chế tài chính tuân thủ các chế độ chính sách, thể lệ kế toán ở Việt Nam.

- Phải dựa trên cơ sơ phù hợp với điều kiện và nhu cầu quản lý của công ty.

- Phải đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích trong công tác hạch toán kế toán.

3.2.3 Nội dung hoàn thiện:

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán nguyên vật liệu đã làm được, tuy nhiên vẫn còn một số những hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho công ty. Bằng những kiến thức đã được học đối chiếu với lý luận và thực tiễn, em xin đề xuất một số ý kiến. Theo em công ty cần có những biện pháp khắc phục những hạn chế trên để làm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty.

❖ ***Biện pháp 1: Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:***

Việc luân chuyên chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Vậy nên công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp cho việc quản lý các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Ví dụ: Khi nhập, xuất kho nguyên vật liệu, thủ kho tiến hành viết phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, đồng thời chuyển cho phòng kế toán. Khi giao các chứng từ cho kế toán nguyên vật liệu, kế toán viên phải ký vào sổ giao nhận chứng từ của công ty.

Biểu số 3.1

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng 12 năm 2011

STT	Chứng từ		Nội dung	Nơi nhận	Người nhận	Ký tên
	SH	NT				
1	PN840	01/12	Nhập kho que hàn	PKT	Trần Kim Anh	
2	PN841	03/12	Nhập kho neo thép	PKT	Trần Kim Anh	
…	..	…	…	…	…	
8	PN844	04/12	Nhập kho thép hình	PKT	Trần Kim Anh	
	..	…	….	…	…	
12	PX706	05/12	Xuất kho que hàn	PKT	Trần Kim Anh	
13	PN847	05/12	Nhập kho phôi đúc đồng	PKT	Trần Kim Anh	
	…	…	…	…	….	
18	PN850	06/12	Nhập kho thép tròn, thép hình	PKT	Trần Kim Anh	
	..	..	..	…	..	…

❖ ***Biện pháp 2: Hoàn thiện về thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu:***

Việc hạch toán nguyên vật liệu đôi khi còn mang tính thủ tục, rườm rà việc mua nguyên vật liệu về xuất thẳng xuống bộ phận sản xuất, kế toán không hạch toán thẳng vào chi phí nguyên vật liệu mà tiến hành làm thủ tục nhập kho sau đó mới làm thủ tục xuất kho do đó phải mất nhiều công sức và thời gian cho công việc này. Như vậy việc thực hiện các thủ tục nhập xuất kho (trong khi không nhập hoặc

không xuất kho) nhiều khi chỉ mang tính hình thức, phục vụ cho nhu cầu quản lý. Do đó phải mất nhiều công sức và thời gian cho công việc này.

Với cách làm trên sẽ bị hao phí về lao động kế toán, thủ tục rườm rà. Theo em công ty nên xem xét nên bỏ thủ tục nhập xuất kho nếu nguyên vật liệu không nhất thiết phải nhập kho mà làm thủ tục chuyển thẳng tới bộ phận sản xuất để tiến hành sản xuất. Để xác định bộ chứng từ gốc làm căn cứ ghi nợ TK621, công ty có thể sử dụng hóa đơn mua hàng và phiếu cấp hạn mức vật tư cùng biên bản giao nhận giữa các bộ phận cung ứng với bộ phận sản xuất.

Ví dụ: Ngày 06/12/2011 mua 7.692kg thép hình, trị giá 119.995.200 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% và 14.465 kg thép tròn, trị giá 229.993.500 đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% của công ty Cổ phần vật tư xây dựng và vận tải Toàn Long. Hàng được giao tận kho của công ty, chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua. Công ty chưa thanh toán.

Vì nguyên vật liệu trên cần dùng ngay cho sản xuất, không cần nhập kho nhưng kế toán vẫn làm thủ tục nhập kho. Để tránh sự rườm rà, công ty nên làm như biện pháp đã nêu ở trên. Cụ thể: Sau khi lập phiếu giao nhận hàng, kế toán lập phiếu kế toán các nghiệp vụ liên quan để làm căn cứ ghi sổ.

Biểu số 3.2

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG

Ngày 06 tháng 12 năm2011.

Đại diện bên nhận: Trần Văn Long - Phân xưởng A1.

Đại diện bên giao: Bùi Văn Dũng - Bộ phận vật tư

Hai bên thống nhất giao nhận hàng hóa với các nội dung sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
	Thép hình	Kg	7.692	15.600	119.995.200
	Thép tròn	Kg	14.465	15.900	229.993.500
	Cộng	x	x	x	**349.988.700**

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

Biểu số 3.3

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 06 tháng 12 năm 2011

Số: 413

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Mua nguyên vật liệu xuất thẳng cho sản xuất.	621 133	331 331	349.988.700 34.998.870
	Cộng			384.987.570

❖ ***Biện pháp 3: Hoàn thiện việc lập danh điểm vật tư:***

Hiện nay, nguyên vật liệu chính của công ty rất đa dạng và phong phú nên việc kiểm tra, đối chiếu, hạch toán cũng như tính giá nguyên vật liệu gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, để thuận tiện hơn cho việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại nguyên vật liệu một cách có hệ thống và kế hoạch, theo em công ty nên xây dựng hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty. Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách vật tư một cách chặt chẽ giúp công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu ở công ty thống nhất.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, thuận tiện và hợp lý. Công ty có thể xây dựng bộ mật mã nguyên vật liệu dựa vào các điểm sau:

- Dựa vào các loại nguyên vật liệu.

- Dựa vào các loại nguyên vật liệu trong mỗi loại.

- Dựa vào thứ tự nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số liệu các tài khoản cấp 2 đối với nguyên vật liệu.

Biểu số 3.4

SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

Ký hiệu		Mã số danh điểm	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	ĐVT	Ghi chú
Nhóm vật liệu	Nhóm				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521TG		Thép góc		
		1521TG1	Thép góc L40x40x4	Kg	
		1521TG2	Thép góc L30x30x3	Kg	
...	....	....	....	...	
	1521TT		Thép tấm		
		1521TT1	Thép tấm 8 ly x 1.500x 6.000	Kg	
		1522TT2	Thép tấm 10 ly x1.500x 6.000	Kg	
...	...	...	....	...	
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522S		Sơn		
		1522S1	Sơn chống rỉ AK-D	Lít	
		1522S2	Sơn đen AK-D 200	Lít	
		1522S3	Sơn ghi AK-D	Lít	
...	...	...	....	...	
1523			Nhiên liệu		
	1523D		Dầu diezen		
		1523D1	Dầu diezen loại 1		
		1523D2	Dầu diezen loại 2		
....	...	...	....	....	...

❖ ***Biện pháp 4: Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:***

Theo quy luật của nền kinh tế thị trường, hàng hóa nói chung và NVL, CCDC nói riêng được mua bán với sự đa dạng và phong phú tùy theo nhu cầu sử dụng. Giá cả của chúng cũng thường xuyên không ổn định. Có thể tháng này giá vật liệu cao hơn tháng trước và ngược lại, do đó đã làm ảnh hưởng đến việc xác định chính xác giá thực tế vật liệu mua vào, lại càng khó trong việc hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh. Em nghĩ "Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thực sự có ý nghĩa đối với công ty, nhất là khi giá cả không ổn định, tỷ giá hối đoái thất thường mà chủng loại nguyên vật liệu mua vào ngày càng nhiều do yêu cầu mở rộng sản xuất. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp công ty bình ổn giá trị vật liệu cũng như hàng hóa trong kho, tránh được sự biến động của giá cả thị trường. Bên cạnh đó, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhiều khi còn đóng vai trò là những bằng chứng quan trọng của công tác kiểm toán và kiểm tra kế toán toàn công ty".

Nguyên tắc và điều kiện lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

***** Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Cuối niên độ kế toán vào thời điểm lập BCTC năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là phần chênh lệch giữa giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Phần chênh lệch giữa khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập ở cuối niên độ kế toán năm nay so với khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối niên độ kế toán năm trước được xử lý như sau:

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập ở cuối niên độ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập ở cuối niên độ kế toán năm trước thì số chênh lệch được ghi tăng dự phòng và tăng giá vốn hàng bán trong kỳ.

+ Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập ở cuối niên độ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập ở cuối niên độ kế toán năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn phải được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

* Điều kiện lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Có hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của BTC hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá gốc của hàng tồn kho là những loại hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập BCTC có giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc được ghi nhận trên sổ kế toán của doanh nghiệp. Trường hợp các loại NVL, CCDC tồn kho có giá trị bị giảm so với giá gốc nhưng giá bán của các sản phẩm, dịch vụ được sản xuất ra từ chúng không bị giảm giá hoặc bị giảm giá nhưng giá bán vẫn bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm thì không được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trước khi lập dự phòng, công ty phải lập hội đồng thẩm định mức độ giảm giá của vật liệu tồn kho. Căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế, công ty xác định mức dự phòng theo phương pháp sau:

Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho	=	***Lượng NVL, CDCD thực tế tồn kho tại thời điểm lập BCTC***	***x***	***Giá gốc HTK theo sổ kế toán***	-	***Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK***

➢ *Tài khoản sử dụng:*

TK 159 dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm sút của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

- Tài khoản 159: "Dự phòng giảm giá hàng tồn kho".

Bên Nợ:

+ Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có:

+ Giá trị dự phòng giảm giá HTK đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số Dư Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

- *Định khoản các nghiệp vụ chủ yếu:*

Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào tình hình thực tế biến động giá cả hàng tồn kho của đơn vị, khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm sút của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

(1) Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, kế toán ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán.

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

(2) Trường hợp khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn được lập thêm, kế toán ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán.

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

(3) Trường hợp khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, kế toán ghi:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán.

Ví dụ: Cuối năm 2011 kế toán tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Biểu số 3.5

Đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ.**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

BẢNG KÊ HÀNG TỒN KHO

Quý 4 - Năm 2011

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1	Thép tròn	Kg	16.042	2.645	42.431.090	
2	Phôi ma ní	Kg	19.000	2.240	42.560.000	
3	Neo thép	Kg	18.500	600	11.100.000	
4	Phôi đúc đồng	Kg	140.000	592	82.880.000	
5	Mặt nạ hàn	Cái	51.500	5	257.500	
6	Que hàn KOBE	Kg	85.000	100	8.500.000	
	…	..	…	…	…	…
	Cộng				**381.555.965**	

Nguồn: Trích từ phòng Kế toán của công ty.

Biểu số 3.6

BẢNG TÍNH DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Năm 2011

STT	Tên hàng hóa	SL	ĐVT	Giá đơn vị ghi sổ	Giá trị thuần đơn vị có thể thu hồi được	Số trích lập dự phòng
A	B	1	2	3	4	5
1	Thép tròn	2.645	Kg	16.042	16.200	-
2	Phôi ma ní	2.240	Kg	19.000	18.500	1.120.000
3	Neo thép	600	Kg	18.500	17.000	900.000
4	Phôi đúc đồng	592	Kg	140.000	139.000	592.000
5	Mặt nạ hàn	5	Cái	51.500	50.500	5.000
6	Que hàn KOBE	100	Kg	85.000	85.000	-
	…	..	…		…	…
	Cộng					**44.552.250**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người lập biểu	Thủ kho	Trưởng ban kiểm kê
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Vậy số trích lập dự phòng là: 44.552.250 đồng.

Kế toán tiến hành ghi sổ:

Nợ TK 632: 44.552.250

Có TK 159: 44.552.250

❖ ***Biện pháp 5: Ứng dụng phần mềm kế toán:***

Hòa nhập với sự phát triển của công nghệ khoa học kỹ thuật và xu hướng tiến bộ trên thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Công ty cổ phần Đình Đô đã ứng dụng tin học vào việc hạch toán kế toán nhưng chỉ là những tính toán đơn thuần, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy. Phần mềm kế toán có nhiều ưu việt:

- Thu thập, xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát thông tin tài chính.

- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng.

- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau.

- Hơn nữa, việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

Chính vì những ưu điểm trên, theo em công ty nên lựa chọn một chương trình phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình, bên cạnh đó, công ty cần tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn đội ngũ kế toán sử dụng thành thạo, linh hoạt phần mềm kế toán mà công ty áp dụng.

Một số phần mềm kế toán đang được sử dụng nhiều trên thị trường để công ty có thể lựa chọn:

+ Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa.

+ Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft.

+ Phần mềm kế toán ACMAN của công ty cổ phần ACMAN.

+ Phần mềm kế toán FAST của công ty cổ phần FAST.

❖ ***Biện pháp 6: Phân định rõ kế toán tài chính và kế toán quản trị.***

- Do thông tin kế toán phục vụ trong và ngoài doanh nghiệp nên căn cứ vào đối tượng sử dụng thông tin, người ta phân định kế toán thành 2 nhánh: nhánh kế toán cung cấp thông tin cho quản lí, điều hành hoạt động trong nội bộ doanh nghiệp được gọi là kế toán quản trị, nhánh kế toán cung cấp tin thông tin cho các đối tượng chủ yếu ở bên ngoài doanh nghiệp được gọi là kế toán tài chính.

- Kế toán quản trị là quy trình định dạng, đo lường tổng hợp, phân tích, lập báo cáo, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban giám đốc để lập kế hoạch, đánh giá, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một doanh nghiệp và để đảm bảo cho việc sử dụng có hiệu quả các tài sản và quản lí chặt chẽ các tài sản này. Như vậy kế toán quản trị là một phương pháp xử lí các dữ liệu để đạt được các mục tiêu sau:

+ Biết được từng thành phần chi phí, tính toán và tổng hợp chi phí sản xuất, giá thành cho từng loại sản phẩm, từng đơn đặt hàng, gia công.

+ Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động.

+ Kiểm soát, thực hiện và giải trình các nguyên nhân chênh lệch giữa chi phí theo dự toán và thực tế.

+ Cung cấp các thông tin cần thiết để có các quyết định kinh doanh hợp lí.

- *Đối với kế toán tài chính nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:*

+ Kế toán tổng hợp và chi tiết từng thứ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo số lượng và giá trị đúng theo chế độ ban hành.

+ Cung cấp số liệu từng thứ vật liệu chính xác hiện có trong kho tại thời điểm lập báo cáo và tiến hành lập báo cáo tài chính kịp thời.

+ Lập bảng kê chi tiết từng thứ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong kho phù hợp với chỉ tiêu giá trị vật liệu tồn kho ở bảng cân đối kế toán.

- Đối với kế toán quản trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

+ Vẫn áp dụng kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ giữa kho và phòng vật tư như công ty đã thực hiện và kế toán quản trị nên mở Sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cho từng thứ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Ngoài ra kế toán quản trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải: xác định giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đã sử dụng để sản xuất cho từng sản phẩm trong đó bao nhiêu là biến phí bao nhiêu là định phí.

Nhận thức được vấn đề trên, theo em nên tách kế toán quản trị và kế toán tài chính là hết sức phù hợp và hợp lí, áp dụng được vấn đề này sẽ cung cấp cho các nhà quản lí của công ty những thông tin linh hoạt, có những giải pháp khác nhau trong việc đầu tư, phát huy những mặt tích cực đã đạt được và những mặt còn tồn tại.

❖ ***Biện pháp 7: Hoàn thiện công tác kiểm kê NVL, CCDC:***

Việc kiểm kê NVL, CCDC tại công ty được diễn ra 1 năm 1 lần. Công ty không thể thường xuyên xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng vật tư trong kho. Vì vậy công tác kiểm kê NVL, CCDC phải được tiến hành định kỳ, ít nhất 6 tháng 1 lần để kịp thời phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số tồn kho thực tế và số tồn trên sổ sách để đưa ra những biện pháp cụ thể nhằm bảo vệ tài sản của công ty và chấn chỉnh việc quản lý NVL, CCDC. Trước khi tiến hành kiểm kê NVL, CCDC công ty cần lập hội đồng kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ gồm: nhân viên phòng vật tư và kế toán vật tư. Khi tiến hành kiểm kê phải thực hiện cân đo, đong đếm NVL bằng các dụng cụ và phương tiện thích hợp nhằm xác định được số lượng tồn kho của từng loại NVL, CCDC, đánh giá lại giá trị trên sổ kế toán và số liệu trên thực tế. Kết thúc quá trình kiểm kê, trưởng ban kiểm kê lập biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá, xác định số chênh lệch thừa hoặc thiếu so với sổ sách và tìm nguyên nhân dẫn tới sự chênh lệch đó. Biên bản kiểm kê sẽ làm căn cứ để kế toán hạch toán kết quả kiểm kê.

KẾT LUẬN

Đối với Nhà nước, kế toán là công cụ quan trọng để tính toán xác định, kiểm tra viêc chấp hành quy định của Nhà nước và để điều hành nền kinh tế. Với doanh nghiệp, kế toán là công cụ quan trọng để quản lý hoạt động kinh tế và kiểm soát, bảo vệ tài sản vật tư tiền vốn trong đơn vị.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là những đối tượng lao động thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất kinh doanh và có ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm của các Doanh nghiệp. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cần phải được đảm bảo tốt từ khâu mua vào, vận chuyển cho đến khâu dự trữ và sử dụng một cách hợp lý nhất sao cho đáp ứng vừa đủ nhu cầu sản xuất, đồng thời cũng đảm bảo cho quá trình sản xuất không bị gián đoạn. Vì vậy, công tác tổ chức hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có được đầy đủ, chính xác, kịp thời và khoa học sẽ là một biện pháp tích cực và có hiệu quả nhất trong việc tính giá thành sản phẩm.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Đình Đô đã giúp em nắm vững hơn về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng. Em nhận thấy rằng lý thuyết nhận thức trong nhà trường cần phải đi đôi với việc nắm bắt thực tế trong đời sống kinh tế. Điều quan trọng là phải biết vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán trong thực tế một cách sinh động và chính xác nhất.

Vì thời gian không nhiều và trình độ nhận thức có hạn nên khóa luận của em không thể tránh được những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự giúp đỡ và những ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn Giảng viên hướng dẫn *Ths. Nguyễn Thị Thu*, các nhân viên kế toán trong phòng kế toán của Công ty cổ phần Đình Đô đã giúp em hoàn thiện khóa luận này.

Sinh viên:
Vũ Thị Phương Thảo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán Doanh nghiệp (quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán - NXB Tài chính năm 2006.

2. Chế độ kế toán Doanh nghiệp (quyển 2) - Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán - NXB Tài chính năm 2006.

3. Số liệu kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của Công ty cổ phần Đình Đô.

4. Khóa luận tốt nghiệp các khóa trước.

5. Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.

6. PGS - TS Nguyễn Văn Công - Lý thuyết thực hành kế toán tài chính - Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân năm 2006.

MỤC LỤC